

Số: 02/NQ-HĐT

Cần Thơ, ngày 11 tháng 01 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua báo cáo thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường
về việc phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động
Trường Đại học Cần Thơ năm 2024**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2025 của kỳ họp thứ 20 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ tại Tờ trình số 5084/TTr-DHCT ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung và hoạt động năm 2024 và xin phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ;

Theo kết quả biểu quyết thống nhất của các thành viên Hội đồng Trường tại Phiên họp lần thứ 20 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng trường thống nhất thông qua kèm theo nghị quyết này Báo cáo thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường về việc phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ (báo cáo kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Thành viên Hội đồng Trường (để giám sát);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử (để đăng tin);
- Lưu: VT, VPHĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CẦN THƠ

Nguyễn Thanh Phương

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường
Về việc phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động
Trường Đại học Cần Thơ năm 2024

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Trường phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) năm 2024, Trường ĐHCT báo cáo kết quả thực hiện các mặt công tác của Trường năm 2024 như sau:

1. Công tác tổ chức, nhân sự

1.1. Công tác tổ chức bộ máy

Trình Hội đồng Trường (HĐT) thông qua và ban hành: (1) Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHCT (Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường, Nghị quyết 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường); (2) Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường ĐHCT giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030; (3) Nghị quyết thành lập Bộ môn Khoa học Sức khỏe để phục vụ mục tiêu phát triển các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe; (4) Nghị Quyết Tổ chức lại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường ĐHCT (theo quy định của Thông tư liên tịch 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTBXH); và (5) Nghị Quyết Thành lập Trường Sư phạm trên cơ sở khoa Sư phạm (Nghị quyết số 216/NQ-HĐT ngày 20 tháng 11 năm 2024).

Tiếp nhận chủ trương thống nhất thành lập Phân hiệu Trường ĐHCT tại tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng tiến hành hoàn chỉnh hồ sơ để xin phép thành lập. Đã hoàn thành Đề án thành lập Phân hiệu Trường ĐHCT tại tỉnh Hậu Giang sau khi làm việc Đoàn Thẩm định điều kiện thực tế thành lập Phân hiệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Đã hoàn thiện Đề án “Chuyển đổi mô hình tổ chức Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ” trình Bộ Giáo dục và Đào tạo; hiện nay đã hoàn thành việc xin ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, UBND Thành phố Cần Thơ và 7 vụ, cục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Triển khai rà soát, lập phương án tổ chức lại một số đơn vị thuộc và trực thuộc Trường để trình xin ý kiến của Đảng ủy Trường và Hội đồng trường.

1.2. Công tác nhân sự

Trình Hội đồng trường thông qua và ban hành: (1) Quy định về sử dụng và quản lý viên chức, người lao động Trường Đại học Cần Thơ (Nghị quyết số 180/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường); (2) Nghị quyết Quy định về trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với viên

chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng (Nghị quyết số 197/NQ-HĐT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Trường).

Thực hiện quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý cấp Trường năm 2024 (nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2025-2030); quy trình bầu bổ sung thành viên HĐT nhiệm kỳ 2020-2025.

Ban hành Kế hoạch và hoàn thành việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức thuộc Trường ĐHCT năm 2024 đến các đơn vị số lượng 06 vị trí: Phòng Tài chính (01 kế toán trưởng, 02 kế toán thanh toán), Phòng Quản trị - Thiết bị (02 chuyên viên), Phòng Thanh tra pháp chế (01 chức vụ quản lý).

Hoàn thành quy trình bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường ĐHCT (Tiến sĩ Lê Văn Lâm, Nghị quyết số 188/NQ-HĐT ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường). Thực hiện quy trình bổ nhiệm viên chức quản lý các cấp thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng, qua đó, đã bổ nhiệm 39 vị trí lãnh đạo thuộc đơn vị cấp 2 và cấp 3 (01 Tổng biên tập, 02 Trưởng phòng, 06 Phó trưởng phòng và tương đương, 01 Hiệu trưởng Trường chuyên ngành, 04 Phó Hiệu trưởng trường chuyên ngành, 08 Trưởng bộ môn và tương đương, và 17 phó trưởng bộ môn và tương đương).

Thực hiện thủ tục có liên quan trong thực hiện quy trình xét chức danh giáo sư, phó giáo sư tại cơ sở theo quy định và hoàn thiện các thủ tục trình Hội đồng Giáo sư Nhà nước; Kết quả có 04 giảng viên của Trường đạt chuẩn chức danh Giáo sư và 22 giảng viên đạt chuẩn chức danh Phó Giáo sư. Đã tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm chức danh cho các giảng viên đạt chuẩn.

Tổ chức Hội nghị triển khai, hướng dẫn thực hiện một số văn bản quy phạm pháp luật và văn bản nội bộ Trường Đại học Cần Thơ.

Cử 06 viên chức quản lý đi học khóa bồi dưỡng Lãnh đạo, quản lý cấp Vụ và tương đương; 01 viên chức đi học khóa bồi dưỡng Lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương.

Thực hiện tuyển dụng viên chức và người lao động (VC-NLĐ) đợt 1 năm 2024, kết quả đã tuyển dụng và ký kết hợp đồng làm việc đối với 33 viên chức và ký kết hợp đồng lao động đối với 27 người lao động.

Thực hiện quy trình tổ chức tuyển dụng viên chức, người lao động 2 đợt năm 2024; dự kiến kết quả tuyển dụng không đạt chỉ tiêu tuyển dụng được đề ra từ đầu năm do số lượng dự tuyển không đạt như mong đợi.

Hoàn thành công tác đánh giá, xếp loại đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng. Đã triển khai xét thi đua, khen thưởng năm học 2023-2024 sẽ hoàn thành và gửi Bộ GDĐT đúng thời hạn quy định. Tổ chức tốt Hội nghị tổng kết Cụm Thi đua số 4 năm học 2023-2024 do Trường ĐHCT làm Cụm trưởng.

Cử 55 giảng viên, nghiên cứu viên đi đào tạo tiến sĩ (trong nước: 27, ngoài nước: 28) và 22 trường hợp đào tạo thạc sĩ (trong nước: 14, ngoài nước: 8).

Bảng 1. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển VC-NLĐ do Trường trả lương năm 2024

T T	Nhóm vị trí việc làm	KH được phê duyệt 31/12/2024		Dự kiến kết quả thực hiện đến 31/12/2024		Dự kiến Kết quả thực hiện so với KH
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	
1	Giảng viên	1.227	72,2	1.105	71,3	90%
2	Trợ giảng*	46	2,7	33	2,1	72%
3	Giáo viên trung học PT	17	1,0	16	1,0	94%
4	Chuyên viên, kế toán	215	12,6	201	13,0	93%
5	Nhân viên PTH/PTN	70	4,1	70	4,5	100%
6	Bảo vệ	42	2,5	40	2,6	95%
7	Nhân viên thư viện	28	1,6	26	1,7	93%
8	Nhân viên vệ sinh, tạp	35	2,1	36	2,3	103%
9	Nhân viên lái xe	7	0,4	8	0,5	114%
10	Các vị trí việc làm khác	13	0,8	14	0,9	108%
	Tổng cộng	1.700	100	1.549	100	91%

Đánh giá chung:

- Công tác tổ chức và nhân sự của Trường ĐHCT đã triển khai nhiều hoạt động quan trọng và có ý nghĩa trong năm qua. Các công việc đáng chú ý bao gồm sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động, tiếp nhận cơ sở tại tỉnh Sóc Trăng, thực hiện quy trình bổ nhiệm lãnh đạo, xét chức danh giáo sư, phó giáo sư, và cử viên chức đi đào tạo nâng cao năng lực. Những hoạt động này góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý và phát triển nguồn lực nhân sự của Trường.

- Tuy nhiên, một số công tác vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra. Cụ thể: Đề án chuyển Trường ĐHCT thành ĐHCT; Điều chỉnh cơ cấu tổ chức còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình phát triển và yêu cầu quản lý; Công tác tuyển dụng viên chức và người lao động không đạt chỉ tiêu do số lượng hồ sơ không đủ.

- Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị về tạm dừng tuyển công chức, viên chức, Trường Đại học Cần Thơ đã tạm dừng tuyển dụng đợt 2 năm 2024, dẫn đến việc công tác phát triển đội ngũ viên chức và người lao động của Trường không đạt kế hoạch đề ra. Đây là một thách thức lớn đối với việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của Trường trong thời gian tới.

2. Hoạt động đào tạo, bảo đảm chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

2.1. Công tác đào tạo

2.1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024

a) Đại học chính quy

Căn cứ Nghị quyết của Đảng ủy Trường về nhiệm vụ năm 2024¹; căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng trường về phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024²; căn cứ các quy định về tuyển sinh³ và văn bản phân giao chỉ tiêu các ngành đào tạo sư phạm của Bộ GD&ĐT⁴; căn cứ các quy định về tuyển sinh của Trường ĐHCT⁵, Trường đã xác định 9.594 chỉ tiêu tuyển sinh⁶ với 07 phương thức tuyển sinh (tăng 01 phương thức là V-SAT)⁷; ban hành Kế hoạch tuyển sinh⁸; công bố Quy chế thi, Đề án thi⁹ và tổ chức thi môn năng khiếu¹⁰; công bố Quy chế thi, Đề án thi¹¹ và tổ chức 03 đợt thi V-SAT¹²; công bố công khai Đề án tuyển sinh đại học năm 2024¹³; tổ chức nhiều hoạt động và hình thức tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp; tổ chức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (đặc biệt là tổ chức đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tuyến), tổ chức xét tuyển, công bố kết quả và thu nhận tân sinh viên (SV) có nhiều cải tiến, đúng kế hoạch, nghiêm túc, an toàn và đúng quy chế của Bộ GD&ĐT.

Kết quả tuyển sinh năm 2024 như sau:

- Tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy: Trường thu nhận được 9.315 SV¹⁴/9.594 chỉ tiêu (đạt tỉ lệ 97,1% chỉ tiêu, không tính 268 học sinh diện xét tuyển thẳng năm 2023 được xét tuyển vào đại học năm 2024), trong đó có 69 SV chương trình tiên tiến và 807 SV chương trình chất lượng cao¹⁵.

- Tuyển sinh thí sinh diện xét tuyển thẳng¹⁶:

+ Thu nhận vào học đại học 268 SV/282 học sinh diện xét tuyển thẳng năm 2023

¹ Nghị quyết số 215-NQ-ĐU ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Đảng ủy Trường về nhiệm vụ năm 2024.

² Nghị quyết số 131/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường ĐHCT năm 2024; Nghị quyết số 190/NQ-HĐT ngày 05 tháng 07 năm 2024 của Hội đồng trường phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 Trường ĐHCT.

³ Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (có hiệu lực kể từ ngày 13/6/2023).

⁴ Công văn số 2887/BGDĐT-GDĐH ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo số lượng chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên năm 2024 thì chỉ tiêu Bộ GD&ĐT giao cho Trường là 624 chỉ tiêu thấp hơn so với chỉ tiêu Trường đăng ký với Bộ (Trường đã đăng ký 1.090 chỉ tiêu).

⁵ Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy và Quy chế thi môn năng khiếu để hỗ trợ tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy của Trường ĐHCT.

⁶ **Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 là 9.594 chỉ tiêu**, trong đó: Khu Hòa An là 450 chỉ tiêu và các ngành đào tạo giáo viên là 624 chỉ tiêu do Bộ GD&ĐT phân giao (ít hơn 466 chỉ tiêu so hơn với 1.090 chỉ tiêu mà Trường đã đăng ký với Bộ GD&ĐT). Năm 2024 là năm đầu tiên Trường không xác định chỉ tiêu và tổ chức Tuyển sinh Liên thông đối với người có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở (đối tượng này tham gia xét tuyển đầu vào đại học chính quy như những thí sinh khác), Từ năm 2022 đến nay, chỉ tiêu tuyển sinh được xác định theo lĩnh vực (19/23 lĩnh vực) thay vì theo nhóm ngành (6/7 nhóm ngành) như các năm trước năm 2022.

⁷ **Năm 2024, có 7 phương thức tuyển sinh đại học chính quy** (tăng 1 phương thức so với năm 2023) gồm: Phương thức 1: Xét tuyển diện Tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển; Phương thức 2: Xét điểm Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024; Phương thức 3: Xét điểm học bạ THPT vào các ngành ngoài sư phạm; Phương thức 4: Xét điểm học bạ THPT vào các ngành sư phạm; Phương thức 5 (bổ sung từ năm 2024): Xét điểm Kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT); Phương thức 6: Tuyển chọn tân sinh viên vào học chương trình tiên tiến và chương trình chất lượng cao; Phương thức 7: Xét tuyển học sinh diện xét tuyển thẳng vào học Khóa bổ sung kiến thức 1 năm. Ngoài ra, thu nhận hồ sơ xét tuyển vào đại học học sinh hoàn thành khóa học dự bị đại học theo đề nghị của các trường dự bị đại học.

⁸ Kế hoạch tuyển sinh đại học hình thức chính quy số 1554/KH-ĐHCT ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Trường được điều chỉnh theo Quyết định số 1139/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

hoàn thành Khóa bồi dưỡng kiến thức 1 năm được xét tuyển vào đại học năm 2024¹⁷, đạt tỉ lệ 95% học sinh được xét tuyển vào đại. 268 SV diện xét tuyển thẳng này không tính vào tỉ lệ đạt chỉ tiêu tuyển sinh chính quy của Trường năm 2024.

+ Thu nhận 352 học sinh diện xét tuyển thẳng đủ điều kiện xét tuyển vào học khóa bồi dưỡng kiến thức 01 năm, năm học 2023 - 2024.

b) Đào tạo sau đại học

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Trường về phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động của Trường ĐHCT năm 2024; căn cứ Nghị quyết số 190/NQ-HĐT ngày 05 tháng 7 năm 2024 về phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo năm 2024; căn cứ các quy định về tuyển sinh của Trường ĐHCT¹⁸, Trường đã xác định 2.266 chỉ tiêu tuyển sinh (*trong đó: 2.085 chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ và 181 chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ*). Trên cơ sở đó, Trường đã ban hành Kế hoạch tuyển sinh năm 2024 (tổng cộng 3 đợt)¹⁹; công bố công khai Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ năm 2024²⁰. Kết quả như sau:

tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2024, Công văn số 1277/BGDĐT-QLCL ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024, Công văn số 1957/BGDĐT-GDĐH ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và thay thế Kế hoạch số 697/KH-ĐHCT ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc tuyển sinh đại học hình thức chính quy năm 2024.

⁹ Quyết định số 464/QĐ-ĐHCT ngày 05/02/2024 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế thi môn năng khiếu để bổ trợ tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy của Trường ĐHCT (*năm 2024, Trường bổ sung môn năng khiếu Giáo dục Mầm non*). Đề án số 468/ĐA-ĐHCT ngày 05/02/2024 của Hiệu trưởng Tổ chức thi môn năng khiếu để bổ trợ tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy của Trường ĐHCT.

¹⁰ Môn Văn mỹ thuật có 166 thí sinh; môn Năng khiếu Thể dục thể thao (đợt 1) có 360 thí sinh và đợt 2 có 117 thí sinh và môn Năng khiếu Giáo dục mầm non (*lần đầu tổ chức*) có 215 thí sinh dự thi.

¹¹ Quyết định số 466/QĐ-ĐHCT ngày 05/02/2024 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của Trường ĐHCT. Quyết định số 467/QĐ-ĐHCT ngày 05/02/2024 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt và ban hành Đề án tổ chức kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của Trường ĐHCT năm 2024.

¹² **Tổ chức 3 đợt thi V-SAT:** Đợt 1 có 614 thí sinh; Đợt 2 có 832 thí sinh và Đợt 3 có 741 thí sinh dự thi.

¹³ **Năm 2024, tuyển sinh 88 ngành đào tạo** (*với 109 mã tuyển sinh gồm: 87 mã ngành tuyển sinh Chương trình đại trà tại Cần Thơ và 07 mã ngành tuyển sinh Chương trình đại trà tại Khu Hòa An, 02 mã ngành tuyển sinh Chương trình tiên tiến và 13 mã ngành tuyển sinh Chương trình chất lượng cao*). Năm 2024, Trường **bắt đầu tuyển**

Trình độ thạc sĩ

- Đợt 1: tuyển sinh được 564 học viên, nhập học 522 học viên
- Đợt 2: tuyển sinh được 598 học viên, nhập học 542 học viên
- Đợt 3: tuyển sinh được 63 học viên, nhập học 62 học viên

Trình độ tiến sĩ

- Đợt 1: tuyển sinh và nhập học được 41 nghiên cứu sinh
- Đợt 2: tuyển sinh và nhập học được 37 nghiên cứu sinh

Kết quả tuyển sinh và nhập học sau đại học năm 2024 được tổng hợp ở Bảng 2:

Bảng 2. Kết quả tuyển sinh sau đại học năm 2024

TT	Trình độ	Chỉ tiêu	Kết quả tuyển sinh		Kết quả nhập học		
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ (so với TS)	Tỉ lệ (so với chỉ tiêu)
1	Thạc sĩ	2.085	1.225	58,75%	1.122	91,92%	54,00%
2	Tiến sĩ	181	78	43,09%	78	100%	43,09%

sinh 05 ngành đào tạo (Sư phạm Khoa học tự nhiên, Giáo dục Mầm non, Báo chí, Du lịch, Kỹ thuật ô tô và Kỹ thuật y sinh) và 01 chương trình đào tạo chất lượng cao (Hệ thống thông tin); không tuyển sinh 01 ngành đào tạo (ngành Việt Nam học với chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch). Không tuyển sinh 04 ngành đào tạo là Lâm sinh, Khuyến nông (ngừng tuyển sinh từ năm 2019), Kỹ thuật tài nguyên nước và Phát triển nông thôn (ngừng tuyển sinh từ năm 2020).

¹⁴ Thu nhận 9.315 SV, trong đó: 2.256 thí sinh trúng tuyển theo Phương thức 3 và 4 xét điểm học bạ THPT; 602 thí sinh trúng tuyển theo Phương thức 5 xét điểm Kỳ thi V-SAT; 6.437 thí sinh trúng tuyển đợt 1 theo Phương thức 2 xét điểm thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT (Trường không tổ chức xét tuyển đợt bổ sung); 10 thí sinh trúng tuyển theo Phương thức 1 (08 thí sinh được tuyển thẳng và 02 thí sinh được ưu tiên xét tuyển); 10 học sinh từ dự bị đại học; 0 thí sinh diện bảo lưu kết quả trúng tuyển từ các năm trước.

¹⁵ Chương trình tiên tiến (69SV): ngành Công nghệ sinh học 46 SV và ngành Nuôi trồng thủy sản 23 SV. Chương trình chất lượng cao (807 SV): ngành Kinh doanh quốc tế 84 SV, ngành Tài chính – Ngân hàng 40 SV, ngành Quản trị kinh doanh 82 SV, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 40 SV, ngành Công nghệ thông tin 80 SV, ngành Kỹ thuật phần mềm 78 SV, ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học 34 SV, ngành Ngôn ngữ Anh 90 SV, ngành Công nghệ thực phẩm 81 SV; ngành Kỹ thuật điện 37 SV; ngành Kỹ thuật xây dựng 84 SV; ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa 37 SV; Hệ thống thông tin 40 SV.

¹⁶ Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng là học sinh từ 22 huyện (thành phố/thị xã) thuộc diện đặc biệt khó khăn, huyện biên giới, hải đảo khu vực Tây Nam Bộ và học sinh thuộc các huyện nghèo theo Quy định tại Nghị quyết 30a của Chính phủ.

¹⁷ Năm 2023, có 301 học sinh trúng tuyển thuộc diện xét tuyển thẳng nhập học (trong tổng số 758 thí sinh đủ điều kiện đăng ký xét tuyển). Công tác giảng dạy bồi dưỡng kiến thức 1 năm cho học sinh xét tuyển thẳng đã được thực hiện đúng theo kế hoạch. Kết thúc khóa học có 282 học sinh được xét tuyển vào đại học. Kết quả có 268 học sinh nhập học đại học (đạt tỉ lệ 95% học sinh được xét tuyển vào đại học) (tính đến 01/9/2024).

¹⁸ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 990/QĐ-ĐHCT.

¹⁹ Kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ năm 2024 ban hành theo Công văn số 4966/ĐHCT-KSDH ngày 29/12/2024 (đợt 1); 1979/ĐHCT-KSDH ngày 11/6/2024 (đợt 2); 3080/ĐHCT-KSDH ngày 28/8/2024 (đợt 3) của Trường.

²⁰ Năm 2024, xây dựng đề án tuyển sinh và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh 48 ngành đào tạo (với 57 mã tuyển sinh); tuy nhiên chỉ triển khai 47 ngành và 56 mã tuyển sinh (ngành Luật chưa tuyển sinh năm 2024).

So sánh với năm 2023, kết quả tuyển sinh tăng ở cả hai trình độ thạc sĩ (36,95% năm 2023) và tiến sĩ (41,36%), đặc biệt là trình độ thạc sĩ. Tuy nhiên, vẫn có 09 ngành/chuyên ngành không tuyển sinh được, ngành Luật đã có quyết định cho phép mở ngành, đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 nhưng chưa triển khai tuyển sinh.

c) Vừa làm vừa học và đào tạo từ xa

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường về việc phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường ĐHCT năm 2024; Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Quyết định số 6809/QĐ-ĐHCT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học; Quyết định số 7309/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo từ xa. Trường ĐHCT đã xác định chỉ tiêu, công bố công khai Đề án tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học và đào tạo từ xa cùng với hình thức chính quy trên trang thông tin tuyển sinh của Trường.

Đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học: tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 là 2.500 chỉ tiêu (trong đó có 400 chỉ tiêu sư phạm và 2.100 chỉ tiêu các ngành ngoài sư phạm). Trường thông báo tuyển sinh 3 đợt trong năm 2024 tại Trường và 12 đơn vị liên kết. Tính đến ngày 15/12/2024, Trường đã gửi thông báo trúng tuyển cho 1.707 thí sinh và đã thu nhận 1.283 sinh viên nhập học trong tổng số 2.500 chỉ tiêu, đạt Tỷ lệ 51,32%.

Đối với hình thức đào tạo từ xa: tổng chỉ tiêu năm 2024 là 3.050 chỉ tiêu, Trường thông báo tuyển sinh 3 đợt trong năm 2024 tại Trường và 59 trạm đào tạo từ xa bao gồm 13 ngành trong tổng số 20 ngành được phép đào tạo. Năm 2024, Trường đã thu nhận 2.816 sinh viên nhập học trong tổng số 3.050 chỉ tiêu, đạt tỷ lệ 92,32%. Một số ngành số lượng thí sinh đăng ký thấp không đủ số lượng để tổ chức lớp giảng dạy.

2.1.2 Mở ngành, chuyên ngành đào tạo

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường²¹ và căn cứ các quy định hiện

²¹ Nghị quyết số 145/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 ((thay thế cho Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng trường về kế hoạch mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ giai đoạn 2019-2022 và định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng trường về sửa đổi, bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 (thay thế cho Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng trường về kế hoạch mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ giai đoạn 2019-2022 và định hướng đến năm 2030); Nghị quyết số 86/NQ-HĐT ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường về bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030; Nghị quyết số 104/NQ-HĐT ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng trường về bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030; Nghị quyết số 127/NQ-HĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường về bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030); Nghị quyết số 208/NQ-HĐT ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường về bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030; Nghị quyết số 217/NQ-HĐT ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng trường về bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 và Nghị quyết số 131/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường ĐHCT năm 2023.

hành²², Trường hoàn thành kế hoạch xây dựng Đề án mở ngành đào tạo các trình độ và chương trình chất lượng cao trình độ đại học năm 2024 trình Hội đồng trường phê duyệt²³ (đối với các ngành đào tạo và chương trình chất lượng cao mà Trường tự chủ mở và báo cáo Bộ GD&ĐT) hoặc Hội đồng trường thông qua²⁴ và trình Bộ GD&ĐT quyết định²⁵ (đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên), cụ thể như sau:

- Về mở ngành đào tạo, chuyên ngành đào tạo và chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học:

+ 04 ngành đào tạo do Trường tự chủ mở²⁶ và đã được tuyển sinh đào tạo từ năm 2024: ngành Báo chí (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7320101), ngành Du lịch (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7810101), ngành Kỹ thuật ô tô (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7520130) và ngành Kỹ thuật y sinh (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7380107).

+ 01 chuyên ngành đào tạo do Trường tự chủ mở²⁷ và đã được tuyển sinh đào tạo từ năm 2024: Thiết kế vi mạch bán dẫn thuộc ngành Kỹ thuật máy tính (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7480106).

+ 01 chương trình đào tạo (CTĐT) chất lượng cao do Trường tự chủ mở²⁸ và đã được tuyển sinh đào tạo từ năm 2024: CTĐT chất lượng cao thuộc ngành Hệ thống thông tin (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7480104).

+ 01 ngành đào tạo được Bộ GD&ĐT ban hành Quyết định cho phép đào tạo²⁹ và sẽ được tuyển sinh đào tạo từ năm 2025: ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7140249).

- Về mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ:

Trong năm 2024, Trường đã tự chủ mở mới 01 chuyên ngành tiến sĩ và 06 ngành, 01 chuyên ngành trình độ thạc sĩ³⁰, cụ thể như sau:

²² Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học. Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Quyết định số 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường ĐHCT.

²³ Nghị quyết số 152/NQ-HĐT, Nghị quyết số 153/NQ-HĐT và Nghị quyết số 154/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường về phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo; Nghị quyết số 160/NQ-HĐT, Nghị quyết số 161/NQ-HĐT và Nghị quyết số 162/NQ-HĐT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng trường về phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo.

²⁴ Nghị quyết số 155/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường về thông qua Đề án mở ngành đào tạo.

²⁵ Quyết định số 1561/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc cho phép Trường ĐHCT đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý.

²⁶ Quyết định số 350/QĐ-ĐHCT và Quyết định số 351/QĐ-ĐHCT ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc mở ngành đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHCT (ngành Báo chí và ngành Du lịch; Quyết định số 494/QĐ-ĐHCT và Quyết định số 495/QĐ-ĐHCT ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc mở ngành đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHCT (ngành Kỹ thuật ô tô và ngành Kỹ thuật y sinh).

²⁷ Quyết định số 496/QĐ-ĐHCT ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc mở chuyên ngành đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHCT.

²⁸ Quyết định số 352/QĐ-ĐHCT ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT về việc mở CTĐT chất lượng cao trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin của Trường ĐHCT.

²⁹ Quyết định số 1561/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc cho phép Trường ĐHCT đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý.

³⁰ Đường dẫn đến Hồ sơ đề án mở ngành năm 2024: <https://www.ctu.edu.vn/de-an-mo-nganh.html>

+ 01 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ do Trường tự chủ mở và tuyển sinh năm 2024: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán (*Mã ngành đào tạo cấp IV: 9140114*).

+ 01 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (Kỹ thuật Nông nghiệp thông minh thuộc ngành Khoa học cây trồng, *mã ngành đào tạo cấp IV: 8620110*), 04 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (Ngôn ngữ Anh, *mã ngành đào tạo cấp IV: 8220101*; Hóa học, *mã ngành đào tạo cấp IV: 8440112*; Toán ứng dụng, *mã ngành đào tạo cấp IV: 8460112*; Kỹ thuật xây dựng, *mã ngành đào tạo cấp IV: 8580201*) đã mở và tuyển sinh năm 2024.

+ 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (ngành Luật, *mã ngành đào tạo cấp IV: 8380101*; Triết học, *mã ngành đào tạo cấp IV: 8229001*) đã hoàn thành hồ sơ và có quyết định mở ngành trong năm 2024, thực hiện tuyển sinh vào năm 2025.

Trường đã tổ chức rà soát Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo các trình độ đến năm 2030, đề nghị và được Hội đồng trường phê duyệt bổ sung Kế hoạch các ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội và chiến lược phát triển của Trường.:

- Căn cứ đề nghị của Hiệu trưởng³¹, Hội đồng trường đã quyết nghị thống nhất bổ sung Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030... trình độ đại học³².

2.1.3 Chất lượng giáo dục và kiểm định

a) Về công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng các CTĐT:

Trường đã thực hiện kiểm định chất lượng (KĐCL) 24 CTĐT, gồm 16 CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, và 08 CTĐT theo tiêu chuẩn của AUN-QA (tất cả). Kết quả KĐCL của 16 CTĐT đánh giá theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT được trình bày trong *Bảng 3*.

Bảng 3. Kết quả đánh giá ngoài 16 CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT năm 2024

STT	Tên ngành	Mức trung bình	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
1	Quản lý giáo dục trình độ thạc sĩ	4,24	98,00
2	Sư phạm Tin học trình độ đại học	4,24	98,00
3	Giáo dục tiểu học trình độ đại học	4,28	98,00
4	Sư phạm Lịch sử trình độ đại học	4,28	98,00
5	Sư phạm Địa lý trình độ đại học	4,28	98,00

³¹ Tờ trình số 2378/TTr-ĐHCT ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng gửi Hội đồng trường đề nghị bổ sung Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 (*ngành Giáo dục quốc tế và so sánh trình độ thạc sĩ; ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý và ngành Tâm lý học giáo dục trình độ đại học*). Tờ trình số 3990/TTr-ĐHCT ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng gửi Hội đồng trường đề nghị bổ sung Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 (*chuyên ngành chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn thuộc ngành Kỹ thuật máy tính trình độ đại học*).

³² Nghị quyết 103/NQ-HĐT ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng trường về Kỳ họp thứ 10 của Hội đồng trường Trường ĐHCT nhiệm kỳ 2020 – 2025. Nghị quyết 104/NQ-HĐT ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng trường về bổ sung Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030. Nghị quyết 127/NQ-HĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường về bổ sung Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 (*chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn, thuộc ngành Kỹ thuật máy tính trình độ đại học*).

STT	Tên ngành	Mức trung bình	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
6	Giáo dục công dân trình độ đại học	4,16	96,00
7	Chính trị học trình độ đại học	4,16	96,00
8	Công nghệ kỹ thuật hóa học	4,24	98,00
9	Kỹ thuật môi trường	4,24	98,00
10	Kinh doanh nông nghiệp	4,18	98,00
11	Kinh tế	4,06	96,00
12	Tài chính – Ngân hàng	4,06	96,00
13	Văn học Việt Nam	4,04	96,00
14	Thông tin Thư viện (thạc sĩ)	4,06	96,00
15	Luật Kinh tế (thạc sĩ)	4,06	96,00
16	SP Tiếng Pháp	4,04	96,00

Nguồn: TT.QLCL

Tất cả các CTĐT trong *Bảng 3* đều đạt chuẩn chất lượng với mức Đáp ứng yêu cầu của tiêu chí.

Kết quả KĐCL của 8 CTĐT đánh giá theo Tiêu chuẩn AUN-QA được trình bày tại *Bảng 4*.

Bảng 4. Kết quả đánh giá ngoài 8 CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA năm 2024

STT	Tên ngành	Mức trung bình
1	Kỹ thuật Điện (thạc sĩ)	3,88
2	Kỹ thuật Máy tính	4
3	Vật lý kỹ thuật	3,88
4	Sinh học	4
5	Khoa học Máy tính (thạc sĩ)	4
6	Hệ thống thông tin	4
7	Công nghệ chế biến thủy sản	3,88
8	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4,13

Nguồn: TT.QLCL

Tất cả các CTĐT trong *Bảng 4* đều đạt chuẩn chất lượng ở mức Đủ như mong đợi. Tuy nhiên, trong số này có 2 CTĐT có điểm dưới 4.

Tất cả các CTĐT được công nhận đạt chất lượng đều được Trường thực hiện cải tiến chất lượng.

Trường cũng đã thực hiện tự đánh giá 12 CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA và 06 CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT để đánh giá ngoài vào năm 2025.

Tính đến tháng 12 năm 2024, Trường có 28 CTĐT đạt chuẩn chất lượng của Bộ GD&ĐT và 34 CTĐT đạt chuẩn chất lượng của AUN-QA.

Những kết quả đã đạt được cùng với các hoạt động KĐCL đang được triển khai theo kế hoạch sẽ bảo đảm khả năng cao là đạt được các chỉ tiêu đã đề ra.

Ngoài ra, Trường cũng xem xét áp dụng tiêu chuẩn FIBAA (Foundation for International Business Administration Accreditation) và ASIIN (Accreditation Agency for Study Programs in Engineering, Informatics, Natural Sciences and Mathematics) trong đánh giá chất lượng CTĐT.

b) Về công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng Trường:

Trường đã thực hiện đánh giá chất lượng Chu kỳ II (giai đoạn 2023-2028) theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Kết quả đánh giá ghi nhận Trường đạt 102/111 tiêu chí (đạt tỉ lệ 91,89%; cao hơn so với tỉ lệ 86,89% của Chu kỳ I (giai đoạn 2018-2023). Kết quả đánh giá chất lượng Chu kỳ II của Trường đã được truyền thông đến các BLQ và xã hội.

Trường đã ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng Trường[1] trên cơ sở các nội dung được Trường cam kết cải tiến qua tự đánh giá cũng như các kết quả đánh giá ngoài và theo kiến nghị của Hội đồng KĐCLGD.

Ngoài ra, Trường cũng xem xét áp dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD của tổ chức QAA đã được Bộ GD&ĐT công nhận.

c) Về công tác khảo sát và lấy ý kiến góp ý các bên liên quan

Trường đã thực hiện công tác lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan (BLQ) (Kế hoạch 4978/KH-ĐHCT-QLCL ban hành ngày 29/12/2023)

Công tác khảo sát tình hình việc làm đối với những sinh viên tốt nghiệp (SVTN) trong năm 2023 được thực hiện theo Kế hoạch số 298/KH-ĐHCT-QLCL ngày 24/01/2024. Kết quả thống kê cho thấy tỉ lệ SVTN của 79 ngành đào tạo có mã cấp IV phản hồi ý kiến đạt 97,11%, tỉ lệ SVTN có việc làm trong số SVTN phản hồi ý kiến đạt 93,49%, tỉ lệ SVTN có việc làm trong tổng số SVTN đạt 80,46% (Xem Bảng 5).

Bảng 5. Số liệu thống kê tình hình việc làm SVTN theo khảo sát năm 2024

Số Ngành đào tạo (có mã cấp IV)	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tỉ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỉ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN
	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ		
79	7.707	4.043	6.633	3.455	93,49%	80,46%

Nguồn: TT.QLCL

So với kết quả khảo sát cùng loại thực hiện năm 2023, tỉ lệ phản hồi cao hơn với 97,11% (năm 2023 là 89,72%), tỉ lệ SVTN có việc làm thấp hơn với 93,49% (năm 2023 là 95,34%). Tất cả 16 đơn vị đào tạo có tỉ lệ SVTN có việc làm đạt trên 90%, trong đó có 03 đơn vị đào tạo có tỉ lệ đạt 100%. Tỉ lệ SVTN có việc làm cụ thể của các đơn vị đào tạo được trình bày ở Bảng 6.

Bảng 6: Thống kê tỉ lệ SVTN có việc làm theo các đơn vị đào tạo

STT	Đơn vị đào tạo	Tỉ lệ SVTN có việc làm (%)
1	Khoa Giáo dục thể chất	100
2	Trường Thủy sản	100
3	Viện NCPT Đồng bằng sông Cửu Long	100

STT	Đơn vị đào tạo	Tỉ lệ SVTN có việc làm (%)
4	Trường Nông nghiệp	98,09
5	Khoa Khoa học Chính trị	97,41
6	Khoa Khoa học Tự nhiên	95,88
7	Trường Sư phạm	95,57
8	Khoa Ngoại ngữ	95,29
9	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	95,20
10	Trường Kinh tế	93,57
11	Khoa Phát triển Nông thôn	92,74
12	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên	92,25
13	Khoa Luật	91,59
14	Viện CN Sinh học và Thực phẩm	90,91
15	Trường Bách khoa	90,88
16	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông	90,17
	Tỉ lệ chung toàn Trường	93,49

Nguồn: TT.QLCL

Tỉ lệ SVTN “làm việc đúng ngành” là 46,30%, cao hơn so với tỉ lệ 35,45% năm 2023; “làm việc trong khu vực Nhà nước” là 13,72%, cao hơn so với tỉ lệ 10,84% năm 2023, “làm việc trong khu vực tư nhân” là 65,67%, thấp hơn so với tỉ lệ 67,59% năm 2023, “làm việc trong khu vực có yếu tố nước ngoài” là 11,83%, cao hơn so với tỉ lệ 11,76% năm 2023, và “Tự tạo việc làm” là 5,9%, thấp hơn so với tỉ lệ 6,8% năm 2023).

Trường đã thực hiện bảy cuộc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về giảng dạy học phần, về CTĐT, về tư vấn và hỗ trợ người học, và về chất lượng giáo dục. Kết quả chi tiết của các cuộc khảo sát được trình bày trong Bảng 7.

Bảng 7. Kết quả các cuộc khảo sát sự hài lòng của các BLQ năm 2024

STT	Đối tượng và nội dung khảo sát	Số phiếu phát ra	Số phiếu phản hồi	Tỉ lệ phản hồi (%)	Tỉ lệ hài lòng chung (%)
1	Khảo sát SV về giảng dạy học phần lý thuyết (học kỳ 2, năm học 2023-2024)	157.986	64.767	41	84
2	Khảo sát SV về giảng dạy học phần lý thuyết (học kỳ 3, năm học 2023-2024)	25.055	7.494	29,91	89
3	Khảo sát HV về giảng dạy học phần lý thuyết (học kỳ 2, năm học 2023-2024)	5.228	911	17,34	94
4	Khảo sát SV xét tốt nghiệp về CTĐT	7.107	2.484	34,95	93,48
5	Khảo sát SV về công tác tư vấn và hỗ trợ học tập	35.946	9.123	25,38	85
6	Khảo sát cựu SV về chất lượng giáo dục	1.177	966	82,07	88,41

7	Khảo sát NSDLĐ về chất lượng giáo dục	212	128	60,38	85,16
---	---------------------------------------	-----	-----	-------	-------

Nguồn: TT.QLCL

Số liệu thống kê trong Bảng 7 cho thấy có các khảo sát chưa đáp ứng về tỉ lệ phản hồi tối thiểu 30%. Tỉ lệ hài lòng chung cho thấy các khảo sát đều đáp ứng tỉ lệ hài lòng tối thiểu 80%.

Trường cũng thực hiện khảo sát giảng viên về điều kiện làm việc và hỗ trợ với kết quả tỷ lệ hài lòng chung đạt 80%; khảo sát cán bộ hỗ trợ, phục vụ về điều kiện làm việc và hỗ trợ với kết quả tỷ lệ hài lòng chung đạt 81%; khảo sát SV về dịch vụ giáo dục công (phối hợp với Sở GD&ĐT thành phố Cần Thơ) với kết quả tỷ lệ hài lòng chung đạt 96,3%, cao hơn tỷ lệ đã đạt được năm 2023.

Hệ thống khảo sát bên liên quan trực tuyến của Trường cũng được nâng cấp để đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu của công tác quan trọng này. Các nội dung khảo sát theo yêu cầu của quy định Chuẩn cơ sở giáo dục đại học đã được triển khai, đưa vào phiếu khảo sát.

d) Về công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Trường tiếp tục hoàn thiện các công cụ hỗ trợ công tác bảo đảm và KĐCL, như phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu BĐCL, phần mềm viết báo cáo TĐG, nâng cấp một số tính năng trong hệ thống lấy ý kiến trực tuyến từ các BLQ và hệ thống khảo sát việc làm SVTN, qua đó tiếp tục đẩy mạnh tin học hoá, số hóa trong công tác BĐCL.

Trường đã tổ chức họp Hội đồng ĐBCL Trường nhiệm kỳ 2020-2025 (kỳ họp lần ba); lập kế hoạch kiện toàn Hội đồng ĐBCL Trường nhiệm kỳ 2020-2025; rà soát, bổ sung nhân sự cho các tổ BĐCL ở các đơn vị; thực hiện báo cáo tổng kết công tác BĐCL năm 2023; xây dựng và ban hành Kế hoạch về công tác BĐCL giáo dục Trường ĐHCT năm 2024; tiếp tục thực hiện Kế hoạch BĐCL giáo dục Trường ĐHCT giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030.

Trường đã dự thảo văn bản về kiểm tra phát biểu CĐR của CTĐT, làm cơ sở cho việc bảo đảm chất lượng CTĐT.

Trường đã tổ chức tập huấn Tiêu chuẩn AUN-QA (Version 4.0) cho 223 lượt viên chức và Tiêu chuẩn KĐCL CTĐT của Bộ GD&ĐT (Thông tư 04) cho 154 lượt viên chức; công tác đối sánh và khảo sát BLQ cho 87 viên chức; tổ chức các Lớp chuẩn đầu ra và hệ thống học tập trực tuyến cho các giảng viên của Trường. Trường có thêm 01 viên chức tham gia và hoàn thành khóa tập huấn về đánh giá báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo Tiêu chuẩn AUN-QA (Tier 2), cử viên chức tham gia khoá đào tạo kiểm định viên của Bộ GD&ĐT, tham gia thi cấp thẻ Kiểm định viên của Bộ GD&ĐT.

e) Về công tác xếp hạng CSGD và đối sánh chất lượng

Về tham gia xếp hạng trường, theo kết quả xếp hạng của Webometrics (kỳ tháng 7/2024) Trường được xếp trong nhóm hạng 718 Châu Á (tăng 42 hạng), 77 Đông Nam Á (tăng 4 hạng) và hạng 10/190 cơ sở giáo dục trong nước tham gia bảng xếp hạng, so với kỳ xếp hạng tháng 7/2023.

Đối với xếp hạng các CSGD khu vực Châu Á của QS Rankings, thứ hạng của Trường (công bố năm 2024) nằm trong nhóm hạng 521-540 của Châu Á (tăng hơn 130 hạng), hạng 90 của Đông Nam Á (tăng 17 hạng).

Xếp hạng lĩnh vực đào tạo (QS World University Rankings by Subjects) Trường được xếp trong nhóm hạng 301-350 Thế giới (tăng 50 hạng) về đào tạo Nông nghiệp – Thủy sản.

Xếp hạng thế giới của QS về các CSGD bền vững năm 2024, Trường được xếp trong nhóm hạng 1.101-1.150.

Ngoài ra, Trường cũng là 01 trong 09 CSGD của Việt Nam được xếp trong Bảng xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học tốt nhất toàn cầu năm 2024-2025 (Best Global Universities Rankings) của Tổ chức US News & World Report (Mỹ).

Các kết quả xếp hạng trong năm 2024 đều tăng góp phần nâng tầm uy tín của Trường và mở ra các cơ hội hợp tác và phát triển của Trường.

Trường đã thực hiện đối sánh chất lượng giáo dục Trường và CTĐT để đáp ứng yêu cầu trong TĐG chất lượng. Trường đã phát triển đối tác đối sánh là Trường Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Trường cũng tham gia vào Dự án BĐCL trên nền dữ liệu (DDQA) như nỗ lực tham gia đối sánh quốc tế.

2.1.4. Quản lý hoạt động đào tạo, thu hút người học và công tác có liên quan

a) Đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định, quy chế, quy trình và văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác quản lý đào tạo phù hợp với quy định hiện hành, bao gồm: (1) Quy định đào tạo chất lượng cao và đào tạo tiên tiến trình độ đại học hình thức chính quy áp dụng đối với khóa tuyển sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 (Khóa 50) trở về sau của Trường Đại học Cần Thơ³³; (2) Quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hình thức chính quy áp dụng đối với khóa tuyển sinh trước ngày 01 tháng 12 năm 2023 (Khóa 49 trở về trước) của Trường Đại học Cần Thơ³⁴; (3) Quy chế thi môn năng khiếu để bổ trợ tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy của Trường Đại học Cần Thơ³⁵; (4) Quy chế thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của Trường Đại học Cần Thơ³⁶; (5) Đề án tổ chức Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của Trường Đại học Cần Thơ năm 2024³⁷; (6) Danh mục tên ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Cần Thơ³⁸; (7) Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy của Trường Đại học Cần Thơ³⁹; (8) Quy định tổ chức đào tạo trực tuyến của Trường Đại học Cần Thơ⁴⁰; (9) Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học

³³ Quyết định số 6772/QĐ-ĐHCT ngày 30/11/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

³⁴ Quyết định số 6796/QĐ-ĐHCT ngày 29/12/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

³⁵ Quyết định số 464/QĐ-ĐHCT ngày 05/02/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

³⁶ Quyết định số 466/QĐ-ĐHCT ngày 05/02/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

³⁷ Quyết định số 467/QĐ-ĐHCT ngày 05/02/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

³⁸ Quyết định số 2430/QĐ-ĐHCT ngày 19/6/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

³⁹ Quyết định số 2457/QĐ-ĐHCT ngày 19/6/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

⁴⁰ Quyết định số 2470/QĐ-ĐHCT ngày 19/6/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

hình thức chính quy⁴¹ và những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức đào tạo.

Cùng với việc ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn nội bộ, Nhà trường tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện: công tác tuyển sinh; phân công giảng dạy các học phần; tổ chức giảng dạy và tổ chức thi học kỳ; tổ chức kiểm tra và thi học kỳ các lớp xét tuyển thẳng; công tác cố vấn học tập; quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ,... Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ đã giúp Nhà trường kịp thời phát hiện và khắc phục những công việc chưa được thực hiện tốt nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý.

Nhà trường tiếp tục xác định việc cải tiến các quy trình quản lý đào tạo hợp lý và thông thoáng là trọng tâm của đơn vị nhằm góp phần vào việc nâng cao chất lượng tổ chức và quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường. Phát huy ứng dụng của Công nghệ 4.0, thực hiện chuyển đổi số, Trường tiếp tục quan tâm cập nhật phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến và cải tiến trang thông tin điện tử, ứng dụng MyCTU trên điện thoại di động... góp phần nâng cao khả năng phục vụ và hiệu quả quản lý đào tạo.

Về tổ chức đào tạo, Nhà trường đã triển khai và hoàn thành giảng dạy năm học 2023 - 2024 và học kỳ 1 của năm học 2024 - 2025 theo đúng kế hoạch.

Trường đã thực hiện quảng bá về Trường thông qua nhiều hoạt động và hình thức. Đối với hoạt động tuyển sinh, Trường đã tổ chức quảng bá Nhà trường, hoạt động đào tạo, ngành nghề đào tạo, thông tin tuyển sinh - hướng nghiệp,... với nhiều hình thức trực tiếp và trực tuyến như: công bố đề án tuyển sinh tại website của Bộ GD&ĐT; đăng thông tin tuyển sinh tại website tuyển sinh của Trường (trong năm 2024 có trên 2,6 triệu lượt truy cập), các đơn vị trực thuộc Trường, các báo đài (Báo Thanh niên, Báo Tuổi trẻ, Báo Dân trí, Báo Cần Thơ,... Đài truyền hình Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, VTV,...); tổ chức tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp thông qua các hình thức trực tiếp, trực tuyến livestream tại facebook tuyển sinh của Trường; tham gia các chương trình/ngày hội tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp do các báo đài (Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên, Báo Giáo dục Thời đại, Báo Giáo dục TP HCM,...), các địa phương và các trường trung học phổ thông (THPT) tổ chức; tổ chức đón tiếp các đoàn học sinh tham quan hướng nghiệp và tuyển sinh tại Trường ĐHCT (do các Trường THPT, các địa phương, các tổ chức du lịch,... cùng phối hợp); tổ chức đoàn đến tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp một số Trường THPT ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (đặc biệt là vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn); hoạt động tư vấn - hướng nghiệp của Đoàn trường và các Liên chi hội sinh viên các địa phương; giảng viên và sinh viên nhóm ngành Sư phạm kết hợp việc thực tập tại các trường THPT với tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp; tờ bướm/bảng/ pano thông tin tuyển sinh; tặng phẩm có tên Trường/ hình ảnh/ biểu tượng/ website Trường (sổ tay, tập, viết, móc khóa, áo,...); tư vấn thông qua thư điện tử của Trường (tuyensinh@ctu.edu.vn, pdt@ctu.edu.vn,...); Facebook (www.facebook/ctu.tvts); điện thoại/zalo/viber. Các hoạt động quảng bá về Trường và ngành nghề đào tạo đã thực sự mang lại hiệu quả trong điều kiện cạnh tranh rất mạnh mẽ trong giáo dục, đặc biệt là trong tuyển sinh. Mặt khác, Trường đã tiếp tục hoàn thiện hệ thống phần mềm tuyển sinh trực tuyến và sử dụng rất hiệu quả trong việc đăng ký xét tuyển, thông báo kết quả xét tuyển,

⁴¹ Quyết định số 3266/QĐ-ĐHCT ngày 15/8/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

xác nhận nhập học, đóng học phí,... Trường đánh giá hoạt động quảng bá đã tác động tích cực và mang lại hiệu quả cho công tác tuyển sinh của Nhà trường. Tuyển sinh đại học hình thức chính quy năm 2024, Trường ĐHCT được Bộ GD&ĐT đánh giá là một trong số không nhiều cơ sở giáo dục đại học có số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển và số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển đại học hình thức chính quy nhiều nhất cả nước và là một trong số không nhiều cơ sở giáo dục đại học đã đạt được chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 trên 95%.

Công tác tư vấn sức khỏe tâm lý được tổ chức chu đáo. Tư vấn nghề nghiệp, việc làm được tổ chức thường xuyên theo kế hoạch và có quy mô lớn với sự tham gia của đông đảo sinh viên và doanh nghiệp. Các hoạt động ngoại khóa, truyền cảm hứng nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp sinh viên diễn ra thường xuyên, có sức thu hút bền bỉ và hiệu ứng tích cực.

Về phát triển CTĐT trình độ đại học, căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHCT; khuyến nghị của các Đoàn Đánh giá ngoài; ý kiến của các bên liên quan...⁴² Trường đã thực hiện những công việc như sau:

- Lựa chọn bổ sung để đạt ít nhất 20% số lượng học phần trong CTĐT của các ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học được chuyển sang giảng dạy theo hình thức trực tuyến và thi trắc nghiệm trên máy tính để áp dụng đối với các khóa tuyển sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 2024 (từ Khóa 50) cho các hình thức đào tạo trình độ đại học của Trường nhưng phải bảo đảm không vượt quá 30% khối lượng của chương trình đào tạo⁴³.

- Cập nhật đề cương chi tiết học phần đối với các học phần được lựa chọn để giảng dạy trực tuyến; đồng thời rà soát, đánh giá, cập nhật Bản mô tả CTĐT và chương trình dạy học; đổi mới và áp dụng phương pháp dạy và học tiên tiến, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào việc tổ chức giảng dạy, xây dựng phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp, khuyến khích số hóa các nội dung thực tế, thực địa trong chương trình đào tạo.

Trường đã tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn,... về công tác đào tạo và đảm

⁴² Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng Trường ĐHCT ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCT; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 22 tháng 02 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020; Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường ĐHCT ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCT; Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy trường về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh; Quyết định số 2077/QĐ-ĐHCT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chương trình hành động giai đoạn 2021-2025 thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy trường về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh; Quyết định số 1813/QĐ-ĐHCT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy; Quyết định số 25/QĐ-ĐHCT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy định đào tạo trực tuyến của Trường ĐHCT; Biên bản số 808/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 29 tháng 03 năm 2022 của Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, phiên họp lần 3, tháng 03 năm 2022; Kế hoạch số 1022/KH-ĐHCT ngày 29 tháng 03 năm 2024 của Hiệu trưởng về lựa chọn bổ sung học phần giảng dạy trực tuyến, rà soát và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng đối với khóa tuyển sinh từ năm 2024; căn cứ khuyến nghị của các Đoàn Đánh giá ngoài; Nghị quyết Đại hội Đại biểu viên chức - người lao động Trường ĐHCT năm học 2023-2024.

⁴³ Căn cứ Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy trường về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh; Căn cứ Quyết định số 2077/QĐ-ĐHCT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chương trình hành động giai đoạn 2021-2025 thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy trường về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh.

bảo chất lượng⁴⁴, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả quản lý đào tạo; xây dựng và cải tiến phát triển CTĐT.

Năm 2024, kết quả đào tạo có 9.155 SV đại học hình thức chính quy tốt nghiệp, trong đó: 8.760 SV bằng đại học thứ nhất, 04 SV bằng đại học thứ hai, 63 SV học chương trình thứ hai, 130 SV liên thông, 0 SV cử tuyển, 172 SV xét tuyển thẳng và 26 SV dự bị đại học⁴⁵. Số SV tốt nghiệp năm 2024 nhiều hơn 1.235 SV so với năm 2023 (năm 2023 là 7.920 SV). Có 7.244 SV/9.180 SV tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỉ lệ 78,9% (năm 2023 là 4.983 SV/6.634 SV tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỉ lệ 75,1% (số liệu 02/12/2024).

b) Đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ

Trường tiếp tục kiểm tra, cập nhật đề cương chi tiết học phần trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ để đảm bảo công khai khóa nội dung giảng dạy, giúp người học và các bên liên quan tiếp cận và nhận đủ thông tin cần thiết.

Để thúc đẩy công tác tuyển sinh đạt hiệu quả, Trường đã linh hoạt điều chỉnh các định hướng đào tạo theo định hướng nghiên cứu hay ứng dụng, cho phép tuyển sinh cả hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng đối với các ngành đặc thù.

Kết quả đào tạo, năm 2024 (tính đến 31/10/2024), có 330 học viên thạc sĩ và 15 nghiên cứu sinh tốt nghiệp. Tỉ lệ thạc sĩ tốt nghiệp đúng hạn đối với khóa tuyển sinh 2022 là 13%; giảm mạnh so với khóa tuyển sinh 2021 là 54,5%. Việc sụt giảm này là do từ khóa tuyển sinh năm 2022, học viên gặp phải rào cản về điều kiện ngoại ngữ (chứng chỉ B2 hoặc tương đương) theo quy định tại Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT. Tỉ lệ NCS tốt nghiệp năm 2024 giảm tương ứng với tỉ lệ tuyển sinh từ năm 2018 đến 2020 rất thấp (2018 là 20/150 chỉ tiêu; 2019 là 26/150 chỉ tiêu và 2021 là 27/150 chỉ tiêu), đồng thời không có NCS tốt nghiệp đúng hạn do gặp phải rào cản về yêu cầu thời gian đào tạo (*thời gian xác định đúng hạn là 3 năm và thời gian đào tạo tối đa 5 năm đến khi báo cáo cấp Trường*), các yêu cầu cao về xuất bản.

c) Liên kết đào tạo

Năm 2024, Trường tuyển sinh và khai giảng 39 lớp hình thức VLVH bao gồm các ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Bảo vệ thực vật, Công nghệ thực phẩm, Thú y, Luật, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Truyền thông đa phương tiện,

⁴⁴ Hội nghị “Sơ kết hoạt động đào tạo chương trình chất lượng cao trình độ đại học”; Hội nghị “Tổng kết hoạt động đào tạo trình độ đại học năm 2023 và kế hoạch năm 2024”; Hội nghị “Tổng kết công tác tư vấn tuyển sinh – hướng nghiệp năm 2023 và kế hoạch năm 2024”; Hội nghị “Tập huấn tổ chức thi đánh giá đầu vào Đại học trên máy tính (V-SAT)”; Hội nghị “Tuyển sinh và đào tạo đại học phù hợp với Chương trình GDPT 2018”. Ngoài ra, tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT để mở ngành/chuyên ngành đào tạo hoặc cải tiến CTĐT. Hội nghị/hội thảo về công tác kiểm định chất lượng; đào tạo trực tuyến; công tác đánh giá học phần đáp ứng chuẩn đầu ra; phương pháp giảng dạy học phần theo lĩnh vực đào tạo; giải pháp nâng cao tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng tiến độ; triển khai phần mềm quản lý đào tạo; sơ kết hoạt động đào tạo chương trình chất lượng cao trình độ đại học;... Tập huấn về công tác kiểm định chất lượng; sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến và tổ chức thi trực tuyến;...

⁴⁵ **Tốt nghiệp Đợt 1:** có 3.690 SV đại học hình thức chính quy tốt nghiệp, trong đó: 3.505 SV bằng đại học thứ nhất, 02 SV bằng đại học thứ hai, 31 SV học chương trình thứ hai, 54 SV liên thông, 0 SV cử tuyển, 84 SV xét tuyển thẳng và 14 SV dự bị đại học. **Tốt nghiệp Đợt 2:** có 3.797 SV đại học hình thức chính quy tốt nghiệp, trong đó 3.658 SV bằng đại học thứ nhất, 01 SV bằng đại học thứ hai, 26 SV học chương trình thứ hai, 47 SV liên thông, 0 SV cử tuyển, 59 SV xét tuyển thẳng và 06 SV dự bị đại học. **Tốt nghiệp Đợt 3:** có 1.668 SV đại học hình thức chính quy tốt nghiệp, trong đó 1.597 SV bằng đại học thứ nhất, 01 SV bằng đại học thứ hai, 06 SV học chương trình thứ hai, 29 SV liên thông, 0 SV cử tuyển, 29 SV xét tuyển thẳng và 06 SV dự bị đại học. Số SV tốt nghiệp năm 2024 nhiều hơn 1.235 SV so với năm 2023 (năm 2023 là 7.920 SV; năm 2022 là 7.837 SV). Năm 2024, có 7.244 SV/9.180 SV tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỉ lệ 78,9% (năm 2022 là 5.617 SV/7.520 SV tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỉ lệ 74,7%; năm 2023, có 4.983 SV/6.634 SV tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỉ lệ 75,1%).

Kỹ thuật điện, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Giáo dục thể chất, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Toán học, Sư phạm tiếng Anh. Đối tượng người học hình thức VLVH gồm: tốt nghiệp THPT, trung cấp, cao đẳng, đại học. Trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho 748 sinh viên hình thức VLVH.

Đối với hình thức Đào tạo từ xa, Trường tổ chức tuyển sinh 3 đợt trong năm. Năm 2024 có 1.070 sinh viên tốt nghiệp và được cấp bằng.

Trường Tổ chức 02 đợt trao bằng tốt nghiệp hình thức đào tạo VLVH và đào tạo từ xa tại Trường ĐHCT cho hơn 600 tân khoa, thu hút nhiều người thân đến dự trực tiếp và theo dõi qua livestream facebook.

Hoạt động thu hút người học được thực hiện thông qua nhiều kênh, bao gồm: thông báo tuyển sinh tại Trường và 12 Đơn vị liên kết; Phối hợp với các đơn vị liên kết quảng cáo, quảng bá trên website, facebook, zalo đăng thông tin tuyển sinh trên báo giấy.

Đánh giá chung về công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng :

Năm 2024, công tác đào tạo của Trường Đại học Cần Thơ đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các phương diện như tuyển sinh, quản lý đào tạo, mở ngành đào tạo, đảm bảo chất lượng giáo dục, và thu hút người học. Trường đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo thực hiện các kế hoạch theo đúng lộ trình và quy định hiện hành.

- ***Tuyển sinh:*** Công tác quảng bá và tư vấn tuyển sinh năm 2024 đã được quan tâm và triển khai ở tất cả các hình thức và hình thức đào tạo. Công tác tuyển sinh được tổ chức nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế với các phương thức linh hoạt và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu về chỉ tiêu tuyển sinh cả ở bậc đại học và sau đại học. Tỷ lệ tuyển sinh tăng ở tất cả các hình thức và trình độ đào tạo. Cụ thể:

- + Đại học chính quy đạt 97,1%.
- + Hình thức vừa làm vừa học đạt 51,32%
- + Hình thức đào tạo từ xa đạt 92,32%.
- + Thạc sĩ đạt 53,81%
- + Tiến sĩ đạt 43,09%

- ***Tỷ lệ sinh viên đại học chính quy tốt nghiệp đúng tiến độ*** đạt tỷ lệ 78,9% (7.244 SV/9.180 SV), tăng so với năm 2023 là 75,1%.

- ***Phát triển chương trình đào tạo:*** Trường đã triển khai mở mới các ngành, chuyên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và chiến lược phát triển của nhà trường, bao gồm các ngành như Thiết kế vi mạch bán dẫn, Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật y sinh, và Báo chí. Bên cạnh đó, trường cũng chú trọng triển khai các chương trình đào tạo chất lượng cao cùng với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực giáo viên.

- ***Công tác Đảm bảo chất lượng*** đạt được nhiều kết quả tích cực: (1) 24 CTĐT được kiểm định, trong đó 16 CTĐT đạt chuẩn Bộ GD&ĐT và 8 CTĐT đạt chuẩn AUN-QA, với nhiều ngành đạt trên 98% tiêu chí; (2) Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đạt 93,49%; (3) Thứ hạng trong các bảng xếp hạng khu vực và quốc tế như QS Rankings, Webometrics, và US News được cải thiện; Lĩnh vực Nông nghiệp – Thủy sản được xếp vào nhóm 301-350 của thế giới; (4) Hệ thống phần mềm, công cụ hỗ trợ được cải tiến,

thúc đẩy số hóa quản lý và nâng cao hiệu quả đảm bảo chất lượng.

- Bên cạnh những kết quả đạt được thì công tác đào tạo cũng còn một số hạn chế bao gồm: Tỷ lệ tuyển sinh hình thức vừa làm vừa học và tuyển sinh sau đại học chưa đạt yêu cầu đề ra; Một số ngành trình độ thạc sĩ không tuyển sinh được; Tỷ lệ thạc sĩ và tiến sĩ tốt nghiệp đúng hạn giảm mạnh (đối với khóa tuyển sinh 2022 là 13 do yêu cầu về điều kiện ngoại ngữ (chứng chỉ B2 hoặc tương đương) theo quy định tại Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT.

2.2. Hoạt động khoa học và công nghệ

Trường đã ban hành một số quy định liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN), bao gồm: Quy chế Quản lý hoạt động KH&CN Trường ĐHCT; quy định về đạo đức trong nghiên cứu khoa học xã hội & nhân văn; quy định về Liêm chính học thuật của Trường Đại học Cần Thơ.

Tiếp tục cải tiến Tạp chí khoa học tiếng Anh theo kế hoạch thực hiện Chỉ thị 02-CT/ĐU ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Ban Thường vụ Đảng ủy về đẩy mạnh công tác công bố khoa học và xuất bản quốc tế. Sơ kết kế hoạch thực hiện Chỉ thị 02-CT/ĐU từ năm 2021 đến 05/2024.

Năm 2024, Trường công bố hơn 2.100 bài báo/báo cáo khoa học⁴⁶. Báo cáo và đề nghị Bộ GD&ĐT khen thưởng bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science và được Scimago xếp hạng Q1, Q2 năm 2023⁴⁷. Tạp chí Khoa học của Trường đã xuất bản 14 số (5 số tiếng Anh và 9 số tiếng Việt), trong đó có 9 số định kỳ và 5 số chuyên đề, với 331 bài báo được công bố⁴⁸. Tạp chí Khoa học tiếng Việt được cải tiến và đã được chấp nhận vào Thư mục các tạp chí truy cập mở DOAJ (Directory of Open Access Journals) vào tháng 2/2024. Trong năm, Trường đã gửi hồ sơ đề nghị tăng điểm công trình Tạp chí khoa học của Trường, kết quả, Tạp chí tiếng Việt được phê duyệt trong 20 danh mục tạp chí Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2024, trong đó có 3 Hội đồng công nhận mới và được 2 Hội đồng nâng điểm; Tạp chí tiếng Anh được phê duyệt trong 19 danh mục Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành, có 8 Hội đồng nâng điểm và 1 Hội đồng công nhận mới.

Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện nghị quyết số 160-NQ/ĐU ngày 09/09/2022 của Đảng ủy Trường ĐHCT về tiếp tục đẩy mạnh công tác đối ngoại và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ cộng đồng; nhiệm vụ KH&CN theo 7 lĩnh vực NCKH ưu tiên, đồng thời tăng cường tham gia tuyển chọn đề tài địa phương/doanh nghiệp, đề tài, dự án cấp nhà nước và bộ ngành theo đặt hàng.

Tổ chức đánh giá kết quả đề án Hỗ trợ phát triển các trường THPT ĐBSCL. Triển

⁴⁶ Có hơn 750 bài báo thuộc danh mục Scopus/WoS, 270 bài báo thuộc các tạp chí quốc tế khác, 820 bài báo thuộc tạp chí trong nước được Hội đồng Giáo sư ngành/liên ngành công nhận, 270 báo cáo khoa học đăng trên kỷ yếu Hội nghị/hội thảo trong và ngoài nước.

⁴⁷ Năm qua, Trường đã báo cáo và đề nghị Bộ GD&ĐT khen thưởng bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science và được Scimago xếp hạng Q1, Q2 năm 2023 với 186 bài báo do viên chức trường làm tác giả chính (tác giả thứ nhất hoặc tác giả liên hệ), theo Quyết định số 495/QĐ-BGDĐT ngày 02/2/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁴⁸ Tạp chí tiếng Việt: tập 60 số 1, số 2, số 3, số 4, số 5, số 6 và số chuyên đề Giáo dục ĐBSCL, số chuyên đề Khoa học tự nhiên, số chuyên đề SDMD; Tạp chí tiếng Anh: tập 16 số 1, số 2 và số chuyên đề ICCEE - International Conference on Civil and Environment Engineering, số chuyên đề ISDS - Intelligent Systems and Data Science.

khai các hoạt động Diễn đàn SDMD 2045 đến các đối tác, tổ chức tọa đàm. Sơ kết chương trình hợp tác giữa thành phố Cần Thơ và Trường Đại học Cần Thơ giai đoạn 2020-2025. Ký kết hợp tác với địa phương về đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ với huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Ninh Thuận. Bên cạnh đó, ký kết hợp tác NCKH và CGCN với 04 doanh nghiệp, Viện - Trường, tổ chức chuyển tham quan và trao đổi hướng hợp tác với Tập đoàn Nguyên liệu Á Châu (AIG) và hợp tác với Công ty TNHH Hoàn Cầu Việt Nam về dự án phát triển nông nghiệp – thủy sản tại Phú Quốc.

Triển khai thực hiện các đề tài NCKH được phê duyệt (348 đề tài sinh viên, 204 đề tài cán bộ, ký hợp đồng thực hiện 10 Đề tài cấp quốc gia (quỹ Nafosted), 23 đề tài cấp Bộ, 21 đề tài hợp tác với địa phương được ký mới. Ký kết 09 hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ, quy trình cho địa phương và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Trường cũng tiếp tục triển khai đăng ký seminar cho cán bộ với tổng cộng 334 báo cáo được phê duyệt.

Đẩy mạnh công tác đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ các công trình đặc thù và có tính thương mại cao, tiếp cận đăng ký sở hữu trí tuệ quốc tế. Năm 2024, Trường có 10 hồ sơ đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

Triển khai và thực hiện tốt vai trò sáng lập, chủ trì và điều phối Diễn đàn phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (SDMD 2045) nhằm quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của Trường trong khu vực và trên thế giới. Đã thực hiện thành công tọa đàm cho 4 quý năm 2024 với các chủ đề liên quan đến phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Ngày 29/11/2024, Diễn đàn Quốc tế Phát triển bền vững ĐBSCL - SDMD lần II năm 2024 với chủ đề: “Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa: Động lực cho phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long” đã được tổ chức thành công, với sự tham gia của hơn 400 đại biểu đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương; cơ quan ngoại giao quốc tế, UBND các tỉnh, thành vùng ĐBSCL; các Sở: Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; các hiệp hội, tập đoàn, công ty, doanh nghiệp trong nước và quốc tế; các tổ chức, chuyên gia quốc tế; các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế.

Tổ chức Hội nghị “Sinh viên nghiên cứu khoa học Trường ĐHCT” năm 2024. Triển khai cho sinh viên Trường ĐHCT tham gia Giải thưởng KHCN dành cho SV trong các CSGDDH năm 2024 do Bộ GD&ĐT tổ chức (đạt 2 giải nhất, 3 giải Nhì, và 6 giải Khuyến khích).

Đăng cai tổ chức SV-Startup VI có sự tham dự của Thủ Tướng chính phủ và các lãnh đạo cấp cao Bộ, Ngành, địa phương thành công, có sức lan tỏa và truyền thông cao. Sinh viên trường cũng đã tham gia các cuộc thi khởi nghiệp do các Bộ, Tỉnh/Thành và các địa phương tổ chức với kết quả tốt. Sinh viên cũng tham gia chương trình/cuộc thi quốc tế ở khu vực Đông Nam Á (tại Philippines và Indonesia) có kết quả tích cực.

Đánh giá chung:

Hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Cần Thơ trong năm 2024 đã đạt nhiều kết quả nổi bật, bao gồm: ban hành các quy định về quản lý KHCN, đạo đức nghiên cứu và liêm chính học thuật; công trình giảng viên được đăng

trên các tạp chí uy tín; hợp tác nghiên cứu với địa phương, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế; triển khai nhiều đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; đẩy mạnh công tác sở hữu trí tuệ với 10 hồ sơ đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Sinh viên Trường đạt nhiều giải thưởng khoa học và tham gia tích cực vào các cuộc thi khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế. Đặc biệt, Diễn đàn SDMD 2045 đã được tổ chức thành công với sự tham gia của hơn 400 đại biểu trong nước và quốc tế.

2.3. Hợp tác trong nước và quốc tế

2.3.1 Hợp tác trong nước

Trường ĐHCT tiếp tục mở rộng hợp tác với các địa phương, viện, trường và doanh nghiệp trong nước. Năm 2023, Trường đã:

- + Ký kết hợp tác toàn diện với tỉnh Kiên Giang
- + Ký kết hợp tác với huyện Mộc Hóa – tỉnh Long An; huyện Vĩnh Thuận - tỉnh Kiên Giang ; Sơ kết việc ký kết hợp tác giữa UBND Huyện Phụng Hiệp và Trường ĐHCT
- + Ký kết hợp tác với 12 doanh nghiệp, tổ chức viện trường, hiệp hội trong nước như Công ty CP bóng đèn, phích nước Rạng Đông, Viettel Cần Thơ, Công ty CP RYAN TECHNOLOGIES VN, Hiệp hội du lịch ĐBSCL, Quỹ đổi mới Giáo dục Việt Nam,...

2.3.2. Hợp tác quốc tế

Trường đã xây dựng Quy định Tiếp nhận, Đào tạo và Quản lý Lưu học sinh đến học tập, nghiên cứu tại Trường ĐHCT (QĐ số: 6948/QĐ-ĐHCT ngày 15/12/2022), thay Quy chế quản lý lưu học sinh thay thế cho Quyết định 777/QĐ-ĐHCT; Quy chế Quản lý Hoạt động Hợp tác Quốc tế của Trường ĐHCT (QĐ số: 3010/QĐ-ĐHCT ngày 22/07/2022).

Bước đầu khai thác nguồn lực được đầu tư từ Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT để phát triển Trường ĐHCT đạt đẳng cấp quốc tế; Công tác triển khai thực hiện Dự án Hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 và Dự án sử dụng nguồn vốn kết dư; Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để xin sử dụng vốn kết dư của Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ để xây dựng Trung tâm Đào tạo quốc tế (IETC) và đầu tư bổ sung trang thiết bị và chuyển đổi số.

Năm 2024, hoạt động hợp tác quốc tế của Trường đã phục hồi, khẳng định vị thế của Trường trong cộng đồng quốc tế. Tính đến tháng 11/2024 Trường đã đón tiếp 309 đoàn với 1.582 lượt khách quốc tế đến làm việc, trao đổi, nghiên cứu và học tập, trong đó có các đoàn khách quan trọng như: Đại sứ Bỉ, Cục trưởng Cục chiến lược vùng Mekong và VN- Bộ Ngoại giao & Thương mại Úc, Tổng lãnh sự Thái Lan, Tổng lãnh sự Hoa Kỳ, Tổng lãnh sự Úc, Tổng Lãnh sự Trung Hoa, Phó Tổng Lãnh sự Úc, Phó Đại sứ Ireland, Lãnh sự kinh tế Úc, Tham tán NN Hà Lan,...

Về hoạt động trao đổi sinh viên, đến hết tháng 11/2024 Trường đã cử 432 lượt sinh viên tham gia các chương trình trao đổi sinh viên tại 12 quốc gia (Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines, Singapore, Brunei, Cambodia, Đài Loan, Nhật Bản, Đức, Pháp và Mỹ), trong đó nhiều nhất là tại Thái Lan (186 sinh viên – 43%), Đài Loan (140 sinh viên – 32,4%), Malaysia (64 sinh viên – 14,8%) và Nhật Bản (64 sinh viên - 14,8%). Thời gian của các chương trình trao đổi chủ yếu là ngắn ngày (dưới 15 ngày) với 373/432 trường hợp (chiếm 86,3%); có 59 trường hợp tham gia chương trình từ một tháng trở lên (chiếm 13,7%), trong đó có 19 trường hợp (4,4 %) đi trao đổi từ một học kỳ trở lên (có

01 trường hợp nghiên cứu sinh đi trao đổi 01 năm) tại các trường đối tác Đài Loan (10), Thái Lan (5), Nhật (2) và Đức (2). Bên cạnh đó, Trường đã đón 371 sinh viên, nghiên cứu sinh đến trao đổi, giao lưu, học tập ngắn hạn (333 SV, NCS) và dài hạn (38 SV, NCS học từ 1 tháng trở lên). Đặc biệt là chương trình Học phần nhiệt đới phục hồi mạnh mẽ với tổng cộng 08 đoàn/119 sinh viên đến từ các trường của Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Úc, Nhật Bản và Hàn Quốc đến học tập, giao lưu, từ vài ngày đến 3 tuần.

Bảng 8 so sánh số liệu trao đổi sinh viên trong 11 tháng của hai năm 2023 và 2024

Năm	2023	2024	Tăng / giảm
Tổng số lượt sinh viên	503	548	Tăng 8,95%
Từ 01 học kỳ trở lên	13	19	Tăng 46,2%
Từ 01 tháng trở lên	42	65	Tăng 54,8%

Về xúc tiến hợp tác, Trường tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai ký kết biên bản ghi nhớ và Thỏa thuận hợp tác với các đối tác quốc tế. Tuy nhiên, trong năm 2024, thực hiện chủ trương cụ thể hoá các hoạt động hợp tác, nhà trường cùng các đơn vị trực thuộc đã tiến hành rà soát, báo cáo tổng kết các hoạt động với các đối tác đã kết nối, đồng thời lập kế hoạch triển khai các nội dung được đề xuất trong các thoả thuận hợp tác. Tính đến cuối tháng 12/2024, trường đã ký kết 18 Biên bản ghi nhớ hợp tác và Thỏa thuận với các Viện, trường, doanh nghiệp nước ngoài đến từ Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ, trong đó chiếm đa số là các đối tác đến từ Nhật Bản (27.8%), Thái Lan (22.2%) Đài Loan (16.7%) (Bảng 9). Ngoài ra, Nhà trường tiếp tục gia hạn với các đối tác nhằm đẩy mạnh triển khai các dự án đang thực hiện và ngày càng thắt chặt thêm mối quan hệ hữu nghị, hợp tác cùng phát triển các lĩnh vực giáo dục và chuyển giao công nghệ.

Bảng 9. Danh sách đối tác quốc tế ký kết biên bản ghi nhớ năm 2024

STT	Tên đối tác	Ngày ký	Loại đối tác	Quốc gia	Châu lục
1	Takesho Food & Ingredients Inc., Takesho Food Vietnam Co., Ltd.	23/01/2024	Doanh nghiệp	Nhật Bản	Châu Á
2	The University of Illinois, US	29/2/2024	Viện/Trường	Hoa Kỳ	Châu Mỹ
3	Alliance Francaise de Bordeaux Nouvelle-Aquitaine, France	3/4/2024	Viện/Trường	Pháp	Châu Âu
4	Yanmar	22/4/2024	Doanh nghiệp	Nhật Bản	Châu Á
5	Tokyo University of Agriculture and Technology	2/5/2024	Viện/Trường	Nhật Bản	Châu Á
6	CIRAD	23/5/2024	Tổ chức	Pháp	Châu Âu
7	Universities Incubator Consortium	27/5/2024	Viện/Trường	Nhiều quốc gia	Châu Á
8	Institut Pertanian Bogor	21/6/2024	Viện trường	Indonesia	Châu Á
9	Da-yeh University	25/6/2024	Viện/Trường	Đài Loan	Châu Á
10	Kun Shan University	17/7/2024	Viện/Trường	Đài Loan	Châu Á
11	Akita Prefectural University	14/8/2024	Viện/Trường	Nhật Bản	Châu Á
12	National Kaohsiung University of Science and Technology	14/8/2024	Viện/Trường	Đài Loan	Châu Á

13	Mindanao State University at Naawan	2/10/2024	Viện/Trường	Philippines	Châu Á
14	Niigata University	03/10/2024	Viện/Trường	Nhật Bản	Châu Á
15	Udon thani Rajabhat University	18/10/2024	Viện/Trường	Thái Lan	Châu Á
16	University of Taipei	8/11/2024	Viện trường	Đài Loan	Châu Á
17	Walailak University	12/11/2024	Viện trường	Thái Lan	Châu Á
18	Songkhla Rajabhat University	14/11/2024	Viện/Trường	Thái Lan	Châu Á
19	Shinawatra University	27/11/2024	Viện/Trường	Thái Lan	Châu Á

Xúc tiến dự án Hợp tác quốc tế: Trong năm 2024, Trường ĐHCT đã phối hợp với các đối tác xúc tiến thành công 73 đề tài, chương trình và dự án mới với tổng giá trị kinh phí thực hiện gần 61 tỷ đồng; Trường cũng đang xúc tiến một số dự án lớn (đến hàng triệu USD) với các đối tác Hoa Kỳ và tổ chức quốc tế sẽ được triển khai trong thời gian tới (điển hình dự án hợp tác với Tổ chức Winrock International và tổ chức FAO).

Về thủ tục tiếp nhận và triển khai dự án: 02 dự án⁴⁹ đã nhận được phê duyệt của Bộ GD&ĐT, 02 dự án khác⁵⁰ đã trình văn kiện đến Bộ GD&ĐT để có ý kiến thẩm định từ các cơ quan chuyên môn.

Về Hợp tác chuyển giao công nghệ cho các nước đang phát triển, Trường đã thực hiện:

- + Hỗ trợ nuôi cá bản địa nước ngọt cho Campuchia.
- + Vận hành sản xuất giống một số loài cá bản địa của Campuchia (cá lóc, cá trê vàng, ...) cho trường Đại học Nông nghiệp Hoàng Gia Campuchia.
- + Tư vấn xây dựng trang trại sản xuất giống thủy sản, chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt (đề tài Trei Kaon).

2.4 Chuyển đổi số và truyền thông trên mạng

Trường tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy trường về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh và Quyết định số 2077/QĐ-ĐHCT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chương trình hành động giai đoạn 2021-2025 thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đảng ủy trường về đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh.

⁴⁹ Hỗ trợ giảm thiểu sử dụng các chất kháng sinh trong nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2 (dự án RAUS giai đoạn 2); Chương trình Học bổng STEM Quỹ Châu Á

⁵⁰ Hỗ trợ giảm thiểu sử dụng các chất kháng sinh trong nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 3 (dự án RAUS giai đoạn 3); Chương trình Giáo dục Môi trường vùng đồng bằng sông Cửu Long do USAID tài trợ giai đoạn 2.

Năm 2024, Hệ thống mạng và Trung tâm Dữ liệu luôn được duy trì hoạt động an toàn, ổn định và không xảy ra sự cố lớn; Các thông tin xấu độc và virus được hạn chế, ngăn chặn kịp thời. Trong năm Trường đã triển khai (1) bổ sung 30 điểm truy cập wifi mới, nâng số lượng điểm truy cập lên 840 điểm (2) Phối hợp với Trung tâm phục vụ SV và VNPT Cần Thơ nâng cấp công nghệ và thay mới thiết bị cho hệ thống Wifi tại KTXA và KTXB.

Năm 2024, Trường đã đầu tư 3 tỉ VNĐ để tiếp tục được nâng cấp và bổ sung chức năng cho Hệ thống Thông tin tích hợp (HTTH) và Ứng dụng di động MyCTU. Hiện HTTH với 27 phân hệ, cùng với MyCTU đã giúp Trường tin học hóa hầu hết các hoạt động quản lý, điều hành. Hầu hết các hoạt động trong trường liên quan đến giảng viên và người học đều được thực hiện trực tuyến trên môi trường mạng. Hệ thống văn phòng điện tử Eoffice đã hoạt động ổn định, năm 2024 đã luân chuyển trên 43,011 lượt văn bản (*số liệu ngày 05/12/2024*). Hệ thống phần mềm xét tuyển học bạ trực tuyến và đăng ký thi VSAT của Trường, được bổ sung các tính năng đăng nhập với tài khoản Gmail và thanh toán qua QR code, đã tạo điều kiện thuận lợi cho hơn 30,000 thí sinh đăng ký.

Phần mềm quản lý dạy, học và thi trực tuyến của Trường (LMS) được duy trì hoạt động ổn định và liên tục nâng cấp, cải tiến (*đã phân tách máy chủ ứng dụng và máy chủ dữ liệu, để tăng năng lực xử lý và lưu trữ của hệ thống elearning*): HK2, 2023-2024 có 13,002 sinh viên tham gia học, 168 giảng viên sử dụng elearning để hỗ trợ giảng dạy, số học phần tổ chức dạy và thi trên elearning là 327 và 166; HK1, 2024-2025 có 16.308 sinh viên tham gia học, 218 giảng viên sử dụng elearning để hỗ trợ giảng dạy, số học phần tổ chức dạy và thi trên elearning và testing là 390 và 248. Ngoài ra có 294 học phần sử dụng hệ thống quản lý dạy và học trực tuyến của Google là Classroom. Mỗi học kỳ Trường mua và cấp 150 gói nâng cấp của Google Meet cho tài khoản của các giáo viên giảng dạy các học phần trực tuyến trực tiếp (*học phần E*). Năm 2024 Trường đã tổ chức được 07 lớp tập huấn “Thiết kế và xây dựng lớp học trực tuyến dựa trên LMS” cho khoảng 240 giảng viên.

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thông tin - truyền thông trên môi trường mạng, cập nhật thường xuyên, kịp thời và chính xác thông tin, tin tức về các hoạt động của Trường lên Website và các mạng xã hội. Năm 2024 (*tính đến 03/12/2024*), Trường đã đăng tải 169 bài trên website tiếng Việt, 43 bài trên website tiếng Anh, và 705 bài lên các mạng xã hội của Trường. Bên cạnh đó, Trường đã trực quan hóa thông tin qua việc xây dựng 20 bản tin video (CTU News), 5 video giới thiệu gương mặt sinh viên và giảng viên tiêu biểu (CTU Talents), 8 infographic, 68 video ngắn trên Facebook và TikTok.

Trong năm 2024, các đơn vị trong Trường đã tổ chức 206 buổi trực tuyến và 60 buổi livestream. Trường cũng đã tổ chức tập huấn cho 31 viên chức và sinh viên phụ trách truyền thông tại các đơn vị về “Kỹ năng viết bài đăng trên cổng thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội”. Đặc biệt, Trường đã triển khai bộ nhận diện thương hiệu vào các hoạt động và sự kiện của Trường và các đơn vị thuộc và trực thuộc; Triển khai xây dựng video clip về hoạt động của Trường định kỳ hàng quý.

3. Tài chính và tài sản

3.1. Tài chính

3.1.1. Kế hoạch thực hiện nguồn thu

Tổng nguồn thu trong năm 2024 ước đạt 1014,7 tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2023, tăng 21,4% so với kế hoạch 2024. Trong đó:

(1) Nguồn NSNN cấp bù sự phạm, sinh hoạt phí theo Nghị định 116, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập sinh viên là 75,9 tỷ đồng, tăng 3 lần so với năm 2023, tăng 34,0% so với kế hoạch 2024, nguyên nhân là do NSNN cấp bù đủ phần học phí và cấp đủ kinh phí để chi sinh hoạt phí theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP. Bên cạnh đó còn khoản cấp kinh phí cho cấp đề tài cấp Bộ thực hiện trong năm là 9,5 tỷ đồng, thực hiện đề án Ngoại ngữ quốc gia là 12,6 tỷ đồng và chi trả phần còn lại của gói thiết bị 2-2 của ODA là 28,6 tỷ đồng.

(2) Nguồn thu sự nghiệp đạt 891,4 tỷ đồng, tăng 8,5% so với năm 2023, tăng 19,9% so với kế hoạch 2024. Trong đó:

+ Học phí đại học chính quy ước đạt 653,7 tỷ đồng, tăng 25,5% so với 2023, tăng 16,3% so với kế hoạch 2024;

+ Học phí sau đại học ước đạt 54,2 tỷ đồng, tăng 32,4% so với 2023, tăng 12,9% so với kế hoạch 2024;

+ Học phí liên kết đào tạo ước đạt 90,2 tỷ đồng, tăng 25,9% trong đó đào tạo từ xa tăng, VL VH giảm;

+ Học phí Trường THSP ước đạt 8,3 tỷ đồng (giảm 3,5%);

+ Các nguồn thu sự nghiệp khác ước đạt 85,0 tỷ đồng, giảm 52,7% so với 2023, do các hợp đồng hoạt động dịch vụ khác ít hơn năm 2023, nhưng tăng 22,1% so với kế hoạch 2024.

3.1.2. Thực hiện kế hoạch nhiệm vụ chi

Tổng chi trong năm 2024 ước đạt 962,0 tỷ đồng bao gồm cả chi từ các nguồn quỹ, tăng 14,5% so với năm 2023, tăng 12,8% so với kế hoạch 2024. Trong đó:

(1) Chi trực tiếp từ nguồn thu có trong năm ước 914,0 tỷ đồng, tăng 26,2% so với năm 2023, tăng 18,2% so với kế hoạch 2024, nguyên nhân chính do tăng chi phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP mức lương cơ sở tăng từ 1,8 triệu đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng (tăng 30%).

(2) Chi từ các nguồn quỹ ước là 48,0 tỷ đồng (giảm 58,7% so với năm 2023), nguyên nhân chủ yếu là không đối ứng vào dự án ODA thêm 20 tỷ đồng do hồ sơ chưa được Chính phủ phê duyệt và các công trình theo kế hoạch xin Bộ GD&ĐT chưa đưa vào kế hoạch trung hạn nên chưa được phê duyệt.

Cụ thể các nhóm chi:

(i) Nhóm chi thanh toán cho cá nhân là 468,3 tỷ đồng, tăng 43,8% so với 2023, tăng 24,8% với kế hoạch 2024, nguyên nhân chính là do mức lương cơ sở tăng và điều chỉnh mục chi sinh hoạt phí sinh viên sự phạm từ nhóm chi khác;

(ii) Nhóm chi về hàng hóa và dịch vụ cho hoạt động chuyên môn là 354,6 tỷ đồng, giảm 10,5% so với năm 2023 tăng 14,9% so với kế hoạch, do các khoản chi sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm thiết bị phục vụ cho công tác kiểm định chương trình đào tạo tăng so kế hoạch.

(iii) Nhóm chi phí khác 89,3 tỷ đồng giảm 6,6% so với năm 2023 (giảm 14,1% so với kế hoạch 2024), nguyên nhân là nguồn chi sinh hoạt phí chuyển sang nhóm chi cho cá nhân nêu trên, còn lại chi theo chế độ chính sách miễn giảm cho sinh viên; chi hoạt động phúc lợi, khen thưởng là 5,3 tỷ đồng, chi nộp thuế TNDN (2% học phí) ước 16,0 tỷ đồng;

(iv) Nhóm chi đầu tư, mua sắm đào tạo,... là 49,8 tỷ đồng, tăng 118,5% so với 2023, giảm 23,3% so với kế hoạch 2024. Trong đó chi đầu tư thêm thiết bị các phòng thí nghiệm tăng nhưng giảm do không đối ứng vốn cho dự án ODA; chi đầu tư mua sắm tài sản vô hình 2,5 tỷ đồng, chi phí đào tạo bồi dưỡng chuyên môn 5,6 tỷ đồng (*chi tiết ở Phụ lục 1 và Phụ lục 2*).

Bảng 10. Ước thực hiện nguồn thu-chi năm 2024

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023			Ước thực hiện 2024			So sánh 2024/2023 (±%)
	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	
TỔNG NGUỒN	1.335.543	926.524	409.019	1.509.950	1.051.834	458.116	13,1
<i>Kỳ trước chuyển sang</i>	<i>418.371</i>	<i>9.352</i>	<i>409.019</i>	<i>495.250</i>	<i>37.134</i>	<i>458.116</i>	<i>18,4</i>
A. Thu trong kỳ	917.172	917.172	0	1.014.700	1.014.700		10,6
a. NS bù SP, NCKH...	95.296	95.296	0	123.300	123.300		29,4
b. Nguồn sự nghiệp để lại	821.876	821.876	0	891.400	891.400		8,5
- Học phí	642.061	642.061	0	806.400	806.400		25,6
- Sự nghiệp khác	179.815	179.815	0	85.000	85.000		-52,7
B. Chi trong kỳ	840.293	724.068	116.225	961.953	913.957	47.996	14,5
1. Nhóm chi cho cá nhân	325.561	265.501	60.060	468.308	468.308	0	43,8
2. Nhóm chi hàng hóa dịch vụ	396.300	374.166	22.134	354.550	329.588	24.962	-10,5
3. Nhóm chi khác	95.632	82.874	12.758	89.283	84.030	5.253	-6,6
4. Nhóm chi đầu tư	22.800	1.527	21.273	49.812	32.031	17.781	118,5

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023			Ước thực hiện 2024			So sánh 2024/2023 (±%)
	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	
C. Cân bằng thuchi (A-B)	76.879	193.104	-116.225	52.747	100.743	-47.996	
Trích lập các quỹ		165.322			80.000		
<i>Chuyển sang kỳ sau</i>	<i>495.250</i>	<i>37.134</i>	<i>458.116</i>	<i>547.997</i>	<i>57.877</i>	<i>490.120</i>	<i>10,7</i>

(xem chi tiết ở Phụ lục 1 và Phụ lục 2)

3.1.3 Tình hình thực hiện vốn kết dư dự án ODA

Năm 2024, nguồn NSNN giao dự toán cho dự án 50,0 tỉ đồng, trong đó ghi thu-ghi chi còn thiếu của năm 2023 là 21,4 tỉ đồng và thanh toán gói thiết bị 2-2 còn thiếu 28,6 tỉ đồng, đã giải ngân hết 100%. Số dư vốn đối ứng chuyển sang năm 2024 là 62,1 tỉ đồng, sử dụng vốn đối ứng chi cho hoạt động hành chính ước 1,6 tỉ đồng, vốn đối ứng tích lũy dự chuyển sang năm 2025 là 60,5 tỉ đồng.

Sau khi nhận được Công văn số 7474/VPCP-QHQT ngày 5/11/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc phê duyệt sử dụng vốn dự của Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT và được sự chỉ đạo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường đã nỗ lực triển khai các công việc và hoàn thiện các thủ tục điều chỉnh dự án. Trường đã có Tờ trình số 1012/TTr-ĐHCT-BQLDA.ODA ngày 24/3/2023 kèm theo Báo cáo NCTKT (điều chỉnh) Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT gửi Bộ GD&ĐT để thẩm định nội bộ và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Sau các bước lấy ý kiến các Bộ ngành có liên quan đến ngày 02/02/2024 Bộ GD&ĐT đã có CV 556/BGDĐT-CSVC gửi Văn phòng Chính Phủ trình Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chủ trương đầu tư nhưng đến nay dự án vẫn chưa được phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư vì nhiều nguyên nhân.

Văn phòng Chính phủ đã nhiều phiếu báo có ý kiến gửi Bộ GD&ĐT làm rõ về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT và Bộ GD&ĐT cũng đã có phương án bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025 Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT. Nhưng đến nay các Vụ trong Bộ GD&ĐT có ý kiến về việc Dự án không thể giải ngân kịp theo thời gian Hiệp định là tháng 10/2025. Vì vậy Dự án đã làm công văn gửi Bộ GD&ĐT có công hàm gửi cho JICA xin gia hạn thời gian thực hiện dự án đến tháng 12 năm 2027. Dự án đang chờ ý kiến của JICA để thực hiện các bước tiếp theo.

3.1.4. Tổ chức thực hiện các Quy chế nội bộ trong năm 2024

Đầu năm 2024, Trường đã điều chỉnh bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 1727/QĐ-ĐHCT ngày 15/5/2024, thay thế Quyết định 346/QĐ-ĐHCT ngày 06/02/2023), điều chỉnh bổ sung một số mục chi cho phù hợp với thực tế và được áp dụng từ năm 2024.

Trong năm 2024 dự kiến điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ, đặc biệt là tiền lương mới theo theo vị trí việc làm. Do Bộ Nội vụ chưa ban hành bảng lương mới nên chưa thực hiện điều chỉnh lớn trong năm 2024, vẫn áp dụng mức lương cơ sở như hiện nay. Tuy nhiên vẫn có triển khai xin điều chỉnh vài định mức chi liên quan đến hoạt động khoa học công nghệ.

Tiếp tục kiểm soát việc thực hiện chi tiêu, sử dụng kinh phí của Trường năm 2024 theo đúng các quy định, chế độ tiêu chuẩn và định mức trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị thuộc Trường được quyết định sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị được thanh toán kinh phí đến mức dưới 100 triệu đồng/lần thanh toán, theo đúng trình tự thủ tục thanh toán.

3.1.5. Xét duyệt quyết toán tài chính, niên độ tài chính năm 2023

Vụ Kế hoạch – Tài chính thuộc Bộ GD&ĐT thông báo kế hoạch số 937/BGDĐT-KHC ngày 06/3/2024 về kế hoạch tổ chức thực hiện công tác xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023. Vụ Kế hoạch – Tài chính thông báo số 1304/TB-BGDĐT, ngày 30/9/2024 về xét duyệt thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023 tại Trường ĐHCT (đính kèm)

Năm 2024, Phòng Tài chính đã triển khai thực hiện đấu thầu gói Kiểm toán độc lập giai đoạn 2023-2027, đã ký Hợp đồng với nhà thầu Kiểm toán độc lập. Hiện tại, kiểm toán độc lập đang kiểm toán đợt 1 giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024, và sẽ kiểm toán đợt 2 vào tháng 4-5/2025.

3.2. Xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất và trang thiết bị

Căn cứ vào kế hoạch đã được Hội đồng Trường phê duyệt, Lãnh đạo Trường ĐHCT đã triển khai thực hiện công tác xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất, đầu tư thiết bị như sau:

- Đối với việc tiếp nhận cơ sở vật chất tại tỉnh Sóc Trăng để xây dựng thành Phân hiệu Trường ĐHCT tại tỉnh Sóc Trăng: thời gian qua, địa phương và Nhà trường cũng đã tích cực thực hiện các thủ tục cần thiết và Nhà trường đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 khu đất để chuẩn bị làm Phân hiệu Trường ĐHCT tại tỉnh Sóc Trăng. Cùng với đó, địa phương và Nhà trường cũng đã tích cực cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị cho Khu A để đưa Khu A vào khai thác. Riêng đối với Trường Đại học Cần Thơ, Hội đồng trường đã phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng kinh phí: 4.218,55 triệu đồng (Nghị quyết số 195/NQ-HĐT, ngày 05/7/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT, ngày 11/10/2024), trong đó 3.115,0 triệu đồng từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường Đại học Cần Thơ và 1.103,55 triệu đồng từ Quỹ phát triển sự nghiệp Trung Tâm Điện tử và Tin học (đầu tư phòng máy tính). Trên cơ sở mua sắm kết hợp với rà soát, tận dụng sửa chữa nguồn thiết bị, dụng cụ đang lưu trữ tại kho của phòng Quản trị-Thiết bị, thực tế Nhà trường đã đầu tư 2.696,12 triệu đồng từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường (trong đó có 250 triệu đồng đang thực hiện chuyển kinh phí sang 2025), tiết kiệm 418,89 triệu đồng (riêng phòng máy tính chưa được Trung tâm Điện tử - Tin học đầu tư và sẽ chuyển sang năm 2025).

- Đối với Khu Măng Đen: do chủ trương của tỉnh Kon Tum có thay đổi nên đến nay quy hoạch Khu Măng Đen vẫn chưa được phê duyệt. Do đó, việc triển khai các công trình

phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học vẫn chưa thực hiện được.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ: hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống chống sét và báo cháy, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh môi trường... được thực hiện định kỳ; Công tác kiểm tra, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các nhà học trong Trường được thực hiện định kỳ vào cuối mỗi học kỳ và sửa chữa khi cần thiết.

- Công tác điều chỉnh quy hoạch 1/500 khu II và xây dựng cơ bản: Trường đang triển khai công tác điều chỉnh quy hoạch 1/500 Khu II, cùng với đó là đã báo cáo và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, lập kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030. Việc điều chỉnh quy hoạch 1/500 khu II với tổng kinh phí được phê duyệt là 1,0 tỉ đồng và đã được triển khai thực hiện từ đầu năm, tuy nhiên tiến độ thực hiện khá chậm, đến nay vẫn chưa xong (hiện đang chờ UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt chủ trương). Các hạng mục xây dựng cơ bản dự kiến triển khai năm 2024 (bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025) như Cải tạo Nhà 4T1, Xây dựng công trình Nhà học Trường THPT Thực hành sư phạm, Bảo trì mặt ngoài nhà điều hành, Xây dựng công trình Khu Phục vụ sinh viên (Khu liên hợp thể dục thể thao – Văn phòng Đoàn Thanh niên – Khu dịch vụ) với tổng kinh phí dự toán cho năm 2024 là 28,5 tỉ không thực hiện được do khó khăn trong việc triển khai các bước thực hiện thủ tục, ngày 23/12/2024 được Bộ Giáo dục và Đào tạo mới ban hành quyết định bổ sung vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025. Như vậy ngoài Khu Phục vụ sinh viên thì các hạng mục khác được chuyển sang thực hiện năm 2025 (tổng kinh phí 24.500,00 triệu đồng). Tuy nhiên, để khởi công được các hạng mục được Bộ phê duyệt thì cần phải tiếp tục thực hiện các thủ tục để Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định phân bổ vốn để thực hiện. Tương tự, kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 của Trường vẫn chưa được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Đối với hoạt động mua sắm, cải tạo và sửa chữa khác: Trên cơ sở kế hoạch xây dựng, cải tạo, sửa chữa và mua sắm tài sản năm 2024 được Hội đồng Trường phê duyệt theo Nghị quyết 131/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 và sau đó được điều chỉnh, bổ sung bởi Nghị quyết số 175/NQ-HĐT ngày 10 tháng 4 năm 2024, Nghị quyết số 176/NQ-HĐT ngày 10 tháng 4 năm 2024 và các nghị quyết khác, Nhà trường đã thực hiện tổng giá trị thanh toán là 24.668,62 triệu đồng trong tổng số kinh phí 41.804,15 triệu đồng được Hội đồng trường phê duyệt.

Như vậy, với tổng kinh phí từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường Đại học Cần Thơ được Hội đồng Trường phê duyệt cho công tác xây dựng cơ bản, mua sắm, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, hệ thống điện, thông tin liên lạc, cấp thoát nước, cảnh quan môi trường trong năm 2024 là 74.719,15 triệu đồng, Nhà trường đã triển khai thực hiện theo giá trị là 34.923,92 triệu đồng (tổng giá trị thanh toán là 27.524,27 triệu đồng, tiết kiệm được 7.399,65 triệu đồng - tương đương 21,19% so với dự toán được phê duyệt); chuyển sang năm 2025 thực hiện là 33.365,23 triệu đồng và không sử dụng đến 1.430,0 triệu đồng và 5.000,00 triệu đồng sẽ sử dụng trong thời điểm khác (chi tiết trong Phụ lục 3 và Phụ lục 4).

Bảng 11. Tóm tắt kinh phí Xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất và trang thiết bị năm 2024

(Nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường)

STT	Nội dung	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
		HĐT phê duyệt	Sử dụng	Tiết kiệm	
1	Đã hoàn thành	34.923,92	27.524,27	7.399,65	
2	Không thực hiện	1.430,00	-	-	
3	Chưa thực hiện	5,000,00	-	-	Khu Phục vụ sinh viên
4	Chuyển sang kế hoạch năm 2025	33.365,23	-	-	Trong đó kinh phí điều chỉnh QH khu II và XDCB 24.500 triệu đồng
	Tổng cộng	74.719,15	27.524,27	7.399,65	

Cũng theo Nghị quyết 131/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024, Hội đồng Trường của đã phê duyệt 1,0 tỉ đồng từ nguồn thu hoạt động sản xuất dịch vụ để thực hiện cải tạo, sửa chữa các hạng mục liên quan đến hoạt động sản xuất dịch vụ của Trường. Phòng Quản trị - Thiết bị đã sử dụng 207,97 triệu đồng, còn lại 792,03 triệu đồng (*Phụ lục 5*).

Bên cạnh đó, xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị và phê duyệt chủ trương của Hội đồng trường, Hiệu trưởng cũng giao cho Phòng Quản trị - Thiết bị hỗ trợ các đơn vị thực hiện các hạng mục từ nguồn kinh phí của đơn vị. Tổng kinh phí phân giao là 6.437,55 triệu đồng, trong đó đã thực hiện 1.856,59 triệu đồng (không tính phần kinh phí 1.093,75 triệu do Trung tâm Công nghệ phần mềm tự thực hiện, không qua Phòng Quản trị - Thiết bị); chuyển năm sau 2.768,55 triệu đồng; không thực hiện 600,0 triệu đồng (*Phụ lục 6*).

4. Công tác sinh viên

Trong năm 2024, tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách; tư vấn sức khỏe, tâm lý cho sinh viên, trong đó: Công nhận kết quả rèn luyện năm học 2023-2024 cho 29.018 sinh viên. Quyết định không thu, miễn, giảm học phí cho 5.283 lượt sinh viên, cấp học bổng khuyến khích học tập cho 3.826 lượt sinh viên với tổng số tiền 27,053 tỷ đồng, trợ cấp xã hội cho 48 sinh viên, trợ cấp khó khăn cho 44 sinh viên (81,5 trđ), hỗ trợ chi phí học tập cho 40 sinh viên, phân bổ quỹ học bổng KKHT cho 162 lớp sinh viên các khóa, khen thưởng 2.403 sinh viên, cấp học bổng tài trợ cho 907 sinh viên với tổng số tiền 6,195 tỷ đồng. Cử 319 sinh viên đi học tập ngắn hạn ở nước ngoài. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho sinh viên: 2.251 lượt sinh viên (*khám bệnh, cấp phát thuốc, sơ cấp cứu, chuyển viện...*), khám sức khỏe đầu vào cho 8.906SV cho Tân sinh viên Khóa 50; thực hiện tốt công tác tư vấn sức khỏe, tâm lý cho 19 sinh viên. Thực hiện công tác tuyển chọn nam sinh viên tốt nghiệp và cử đi đào tạo Sĩ quan dự bị năm 2024 (đạt 100% chỉ tiêu được giao). Tổ chức thu nhận, sinh hoạt công dân SV (9.959SV) Tân sinh viên K.50 với nhiều cải tiến phong phú, thiết thực, hiệu quả góp phần nâng cao thương hiệu Trường. Công tác hỗ trợ thông qua Cố vấn học tập được cải tiến rõ nét (hơn 90% số lớp có họp trong tổng 565 lớp kiểm tra), tuy nhiên vẫn còn có lớp không họp,

hoặc có lớp không sử dụng biên bản họp trực tuyến để ghi nhận cuộc họp.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho SV, đặc biệt là SV nội trú, như tổ chức Tết Chol Chnam Thmay, Lễ Sel Dolta cho sinh viên dân tộc, các hoạt động thể thao, tổ chức tốt hoạt động tuyên truyền về PCTPMT, phòng chống lừa đảo... cho SV ở KTX đồng thời trong đã tiếp nhận 1.724 Tân SV vào ở nội trú. Sơ kết Quy chế phối hợp với Công an Thành phố Cần Thơ về công tác đảm bảo ANTT tại Trường.

Trân trọng kính trình. *Trần Trung Tính*

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Ban giám hiệu;
- Các Phòng, Ban trong trường;
- Lưu: VT, VPT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Tính

Phụ lục 1
CHI TIẾT NGUỒN THU VÀ MỤC CHI

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023			Ước thực hiện 2024			So sánh 2024/2023 (±%)
	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	
TỔNG NGUỒN	1.335.543	926.524	409.019	1.509.950	1.051.834	458.116	13,1
Kỳ trước chuyển sang	418.371	9.352	409.019	495.250	37.134	458.116	18,4
A. THU TRONG KỲ	917.172	917.172		1.014.700	1.014.700		10,6
a. NSNN cấp bù, NCKH...	95.296	95.296		123.300	123.300		29,4
b. Nguồn sự nghiệp để lại	821.876	821.876		891.400	891.400		8,5
Trong đó: -Học phí ĐHCQ	520.876	520.876		653.690	653.690		25,5
-Học phí SDH	40.943	40.943		54.200	54.200		32,4
-Liên kết đào tạo	71.642	71.642		90.210	90.210		25,9
-Trường THSP	8.600	8.600		8.300	8.300		-3,5
-Sự nghiệp khác	179.815	179.815		85.000	85.000		-52,7
B. CHI TRONG KỲ	840.293	724.068	116.225	961.953	913.957	47.996	14,5
1. Nhóm chi thanh toán cho cá nhân	325.561	265.501	60.060	468.308	468.308		43,8
-Tiền lương, các khoản theo lương	196.783	196.783	0	259.060	259.060		31,6
-Tiền công LĐ thường xuyên	1.334	1.334	0	2.091	2.091		56,7
-Học bổng, Sinh hoạt phí SVSP	36.462	36.462	0	86.607	86.607		137,5
-Khoản thanh toán khác cho cá nhân	90.982	30.922	60.060	120.550	120.550		32,5
2. Nhóm chi về hàng hóa dịch vụ	396.300	374.166	22.134	354.550	329.588	24.962	-10,5
-Thanh toán dịch vụ công cộng	34.341	34.341	0	35.765	35.765		4,1
-Vật tư văn phòng	3.699	3.699	0	4.567	4.567		23,5

	Thực hiện 2023			Ước thực hiện 2024			So sánh
-Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6.175	6.175	0	4.822	4.822		-21,9
-Hội nghị	2.025	2.025	0	3.619	3.619		78,7
-Công tác phí	5.069	5.069	0	3.868	3.868		-23,7
-Chi phí thuê mướn	17.784	17.784	0	17.730	17.730		-0,3
-Chi đoàn ra, đoàn vào	2.160	2.160	0	2.150	2.150		-0,5
-Sửa chữa TS, công tác CM	56.961	34.827	22.134	43.469	18.507	24.962	-23,7
-Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	268.086	268.086		238.560	238.560		-11,0
<i>3.Nhóm chi khác</i>	<i>95.632</i>	<i>82.874</i>	<i>12.758</i>	<i>89.283</i>	<i>84.030</i>	<i>5.253</i>	<i>-6,6</i>
-Chi miễn giảm học phí, chi khác	64.595	64.595	0	64.930	64.930		0,5
-Thuế TNDN (2% học phí)	17.697	17.697		16.000	16.000		-9,6
-Chi cho công tác Đảng	582	582		3.100	3.100		432,6
-Hoạt động phúc lợi, khen thưởng	12.758		12.758	5.253		5.253	-58,8
<i>4.Nhóm chi đầu tư</i>	<i>22.800</i>	<i>1.527</i>	<i>21.273</i>	<i>49.812</i>	<i>32.031</i>	<i>17.781</i>	<i>118,5</i>
-Chi đầu tư xây dựng	6.977		6.977	0			-100,0
-Trả lãi nợ vay ODA	486		486	424		424	-12,8
-Chi đào tạo VCNLĐ	4.840		4.840	5.623		5.623	16,2
-Mua sắm TS phục vụ CM	8,007	1.527	6.480	41.277	31.174	10.103	415,5
-Mua sắm tài sản vô hình	2.490		2.490	2.488	857	1.631	-0,1
C. CÂN BẰNG THU CHI	76.879	193.104	-116.225	52.747	100.743	-47.996	
Trích lập các quỹ		165.322			80.000		
<i>Chuyển sang kỳ sau</i>	<i>495.250</i>	<i>37.134</i>	<i>458.116</i>	<i>547.997</i>	<i>57.877</i>	<i>490.120</i>	<i>10,7</i>

Phụ lục 2
SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2024 VÀ THỰC HIỆN NĂM 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023			Kế hoạch 2024			Ước thực hiện 2024			Ước TH 2024/ TH 2023 (±%)	Ước TH 2024 / KH 2024 (±%)
	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ	Tổng	KPTX	Nguồn quỹ		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		
TỔNG NGUỒN	1.335.543	926.524	409.019	1.330.950	872.834	458.116	1.509.950	1.051.834	458.116	13,1	13,4
<i>Kỳ trước chuyển sang</i>	<i>418.371</i>	<i>9.352</i>	<i>409.019</i>	<i>495.250</i>	<i>37.134</i>	<i>458.116</i>	<i>495.250</i>	<i>37.134</i>	<i>458.116</i>	<i>18,4</i>	<i>0,0</i>
A. Thu trong kỳ	917.172	917.172	0	835.700	835.700	0	1.014.700	1.014.700		10,6	21,4
a. NS bù SP, NCKH,..	95.296	95.296	0	92.000	92.000	0	123.300	123.300		29,4	34,0
b. Nguồn sự nghiệp để lại	821.876	821.876	0	743.700	743.700	0	891.400	891.400		8,5	19,9
B. Chi trong kỳ	840.293	724.068	116.225	852.934	773.344	79.590	961.953	913.957	47.996	14,5	12,8
1. Nhóm chi cho cá nhân	325.561	265.501	60.060	375.391	375.391	0	468.308	468.308	0	43,8	24,8
2. Nhóm chi hhóa dịch vụ	396.300	374.166	22.134	308.675	293.675	15.000	354.550	329.588	24.962	-10,5	14,9
3. Nhóm chi khác	95.632	82.874	12.758	103.952	93.710	10.242	89.283	84.030	5.253	-6,6	-14,1
4. Nhóm chi đầu tư	22.800	1.527	21.273	64.917	10.569	54.348	49.812	32.031	17.781	118,5	-23,3
C. Cân bằng thu chi (A-B)	76.879	193.104	-116.225	-17.234	62.356	-79.590	52.747	100.743	-47.996		
<i>Trích lập các quỹ</i>		<i>165.322</i>			<i>60.000</i>			<i>80.000</i>			
<i>Chuyển sang kỳ sau</i>	<i>495.250</i>	<i>37.134</i>	<i>458.116</i>	<i>478.016</i>	<i>39.490</i>	<i>438.526</i>	<i>547.997</i>	<i>57.877</i>	<i>490.120</i>	<i>10,7</i>	<i>14,6</i>

Phụ lục 3
KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC XÂY DỰNG, CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MUA SẴM TÀI SẢN NĂM 2024
(Kinh phí giao Phòng Quản trị - Thiết bị tham mưu)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
I	KHU I	1.420,00	362,28	1.057,72	
1	Khoa Ngoại ngữ	500,00	191,40	308,60	
1.1	Thay tole mới, mở rộng thêm diện tích sử dụng cho nhà xe Khoa	200,00	191,40	8,60	
1.2	Dụng cụ nội thất cho các phòng học	300,00		300,00	Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025
2	Các khu vực công cộng - P.QTTB	920,00	170,88	749,12	
2.1	Cải tạo cảnh quan, hệ thống thoát nước Khu I (Đầu nối hệ thống thoát nước Khu I - ĐHCT ra đường 30/4 và Hẻm 216)	300,00	73,00	227,00	
2.2	Đường bê tông và làm hàng rào tiếp giáp các hộ dân phía sau Khu I	500,00		500,00	Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025
2.3	Cải tạo đoạn hàng rào tạm tiếp giáp hẻm 216 phía sau Khu I - Đại học Cần Thơ.	120,00	97,88	22,12	Bổ sung theo Nghị quyết số 195/NQ-HĐT
II	KHU II	37.972,15	22.387,89	15.589,51	
1	Trường Bách khoa	2.980,00	1.724,59	1,255,41	

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
1.1	Cải tạo phòng thực hành chung tầng 1 nhà kết cấu công trình	180,00	168,87	11,13	
1.2	Thiết bị tin học phục vụ giảng dạy, thực hành thực tập	640,00	631,58	8,42	
1.3	Thiết bị nâng cao năng lực đào tạo về kỹ thuật đo lường cơ khí, Khoa Kỹ Thuật Cơ Khí	400,00	345,34	54,67	
1.4	Cải tạo phòng dạy học tích cực và đầu tư thiết bị phòng thực hành Mỹ thuật Khoa Kỹ Thuật Xây dựng	300,00	279,38	20,62	
1.5	Thiết bị phục vụ đào tạo, kiểm định AUN-QA ngành kỹ thuật máy tính năm 2024, Khoa Điện Tử-Viễn Thông	300,00	299,43	0,57	
1.6	Đối ứng dự án Trung tâm Đào tạo xuất sắc cho Trường ĐHCT, Khoa Kỹ thuật điện	534,00	-	534,00	Chuyển kinh phí sang 2025
1.7	Đầu tư thiết bị đào tạo vật liệu đường ô tô- Ngành Kỹ thuật công trình giao thông, Khoa Kỹ Thuật Công Trình giao Thông	626,00		626,00	Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025
2	Trường Công nghệ thông tin và TT	2.200,00	1.916,36	283,65	
2.1	Thiết bị tin học và ngoại vi (Máy tính thay thế cho PTH, thiết bị PTN TGMT&XLA và ngành truyền thông đa phương tiện)	1.200,00	1.221,70	178,30	
2.2	Thiết bị cho PTH chất lượng cao	200,00			

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
2.3	Nâng cấp 04 khu vệ sinh tầng trệt, cải tạo phòng thực hành máy tính (phòng 201) thành phòng đa chức năng, nâng cấp phòng nghiên cứu sinh, chống thấm cục bộ 1 số vị trí tòa nhà Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Trường ĐHCT	800,00	694,66	105,35	
3	Trường Kinh tế	450,00	231,70	218,30	
3.1	Sơn tường và lát nền Khoa Quản trị du lịch dịch vụ và lễ hành, Khoa kế toán kiểm toán, Khoa Quản trị kinh doanh	250,00	231,70	18,30	
3.2	Lắp đặt màn hình Led cho Hội trường 101/KT	200,00	-	200,00	Không thực hiện do thiết bị đã được tài trợ
4	Trường Nông nghiệp	780,00	621,95	158,05	
4.1	Tháo dỡ hàng rào cũ giữa Trường Nông nghiệp và Nhà lưới ODA, lắp đặt lại hàng rào cũ cho trại thực nghiệm nông nghiệp	100,00	97,00	3,00	
4.2	Cải tạo trại Thực nghiệm Nông nghiệp	550,00	524,95	25,05	
4.3	Bổ sung thiết bị thí nghiệm cho Khoa Di truyền chọn giống	130,00	-	130,00	Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025
5	Trường Thủy sản	1,150,00	850,80	299,20	
5.1	Thi công đường đi từ cổng phụ vào Khu vực trạm trại	280,00	241,23	38,77	

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
5.2	Đường đi nội bộ từ nhà học đến nhà 2 tầng	80,00	80,00	0,00	
5.3	Bổ sung dụng cụ thí nghiệm các Khoa	150,00	-	150,00	Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025
5.4	Thiết bị tin học và ngoại vi	100,00	71,17	28,83	
5.5	Cải tạo sửa chữa, sơn mặt trong, mặt ngoài Nhà thí nghiệm 2 tầng, nhà chứa máy bơm và máy phát điện	540,00	458,40	81,60	
6	Khoa Khoa học Chính trị	335,00	120,40	214,60	
6.1	Cải tạo cảnh quan, tạo các tiểu cảnh, lối đi	100,00	98,44	1,56	
6.2	Thiết bị tin học và ngoại vi	60,00	21,96	38,04	
6.3	Sơn, thay mặt bàn, ghế sinh viên cho các phòng học	175,00	-	175,00	Không thực hiện
7	Khoa Khoa học Tự nhiên	2.440,00	732,35	1.707,65	
7.1	Dầu tư thiết bị giảng dạy thực hành các môn học thuộc chương trình tiên tiến và CLC cho phòng thực tập Hóa học	500,00		500,00	Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025
7.2	Thiết bị thí nghiệm cho các Bộ môn	1.000,00		1.000,00	Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
7.3	Cải tạo cụm phòng thí nghiệm và phòng thực hành bộ môn Sinh học, xử lý chống thấm hội trường, vách tường, sơn lại vách sau các Phòng thí nghiệm Bộ môn Vật lý, thay cửa, chống thấm mái nhà vệ sinh tầng 3 và Khoa KHTN	600,00	396,08	203,93	
7.4	Cải tạo văn phòng Bộ môn Khoa học sức khỏe Khoa Khoa học Tự nhiên và mua sắm nội thất, thiết bị tin học	340,00	336,28	3,72	Bổ sung theo Nghị quyết số 212/NQ-HĐT
8	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	700,00	632,64	67,36	
8.1	Cải tạo, sơn mặt ngoài phía sau, hai bên, sơn mới cửa đi, cửa sổ tòa nhà	500,00	446,24	53,76	
8.2	Thiết bị tin học và ngoại vi	60,00	49,72	10,28	
8.3	Máy lạnh cho Hội trường và lãnh đạo Khoa	140,00	136,68	3,32	
9	Khoa Luật	700,00	632,41	67,59	
9.1	Xử lý chống thấm, cải tạo vệ sinh mặt ngoài, ốp chân tường phòng 101, 102 khối nhà học và chống thấm một số vị trí khối văn phòng làm việc	500,00	452,57	47,43	
9.2	Thiết bị tin học và ngoại vi	100,00	81,84	18,16	
9.3	Dụng cụ nội thất văn phòng	100,00	98,00	2,00	
10	Khoa Môi trường & TNTN	1.200,00	189,82	1.010,18	
10.1	Cải tạo các hạng mục công trình toà nhà Khoa	200,00	189,82	10,18	

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
10.2	Thiết bị cho các phòng thí nghiệm	1.000,00		1.000,00	Đang thực hiện với tổng giá trị hợp đồng là 886,84 triệu đồng, chuyển kinh phí sang 2025
11	Khoa Sư phạm	2.434,40	1.259,76	1.174,64	
11.1	Thiết bị tin học cho PTH tin học ứng dụng	720,00	498,96	221,04	
11.2	Bổ sung dụng cụ phòng thí nghiệm	50,00	46,51	3,49	
11.3	Thiết bị tin học và ngoại vi	75,00	56,36	18,64	
11.4	Thiết bị điện-điện tử	150,00	110,77	39,23	
11.5	Cải tạo chống thấm khối văn phòng, hội trường, nhà học C2 và sảnh nhà thực hành Lý - Hóa - Sinh	710,00	547,16	162,84	
11.6	Thiết bị thí nghiệm PTN Sinh học thuộc Tiểu dự án PTN Lý Hóa Sinh, giai đoạn 2024-2025	729,40	-	729,40	Bổ sung theo Nghị quyết số 194/NQ-HĐT, đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025
12	Khoa Giáo dục thể chất	600,00	476,65	123,35	
12.1	Cải tạo sân, hệ thống thoát nước, thay một phần mái tole nhà tập luyện thể dục thể thao cũ	550,00	463,20	86,80	
12.2	Thiết bị tin học và ngoại vi	50,00	13,45	36,55	
14	Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	50,00	47,84	2,16	
14.1	Lót gạch, lắp cửa và mái che, cải tạo thành chỗ để xe cho cán bộ Viện	50,00	47,84	2,16	

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
14	Viện CNSH và Thực phẩm	600,00	0,00	600,00	
14.1	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm	530,00		530,00	Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025
14.2	Thiết bị tin học và ngoại vi	70,00	-	70,00	Đơn vị không sử dụng
15	Trung tâm Học liệu	880,00	670.81	209.19	
15.1	Cải tạo, chống thấm vách tường, sân thượng Trung tâm Học liệu	400,00	372,91	27,09	
15.2	Sửa chữa máy móc thiết bị	300,00	140,30	159,70	
15.3	Thiết bị tin học và ngoại vi	180,00	157,60	22,40	
16	Trung tâm Thông tin và QTM	3.470,00	3.283,90	186,10	
16.1	Gia hạn bản quyền tường lửa Internet 01 năm	570,00	572,00	- 2,00	
16.2	Gia hạn bản quyền tường lửa ứng dụng 01 năm	750,00	666,00	84,00	
16.3	Gia hạn bản quyền tường lửa NN2020 02 năm	700,00	680,00	20,00	
16.4	Bổ sung các điểm truy cập wifi, nâng cấp hệ thống mạng các đơn vị	500,00	411,21	88,79	
16.5	Hệ thống các thiết bị lưu trữ dự phòng dữ liệu	950,00	954,69	- 4,69	
17	Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ	500,00	352,28	147,73	
17.1	Thiết bị tin học và ngoại vi cho các phòng thi ĐGNLNN	500,00	352,28	147,73	

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
18	Ký túc xá - TT.PVSV (P.CTSV)	3.550,00	2.775,25	774,75	
18.1	Cải tạo, sửa chữa và chống thấm một số khu vệ sinh của các dãy nhà KTX khu B (dãy B5, B8)	500,00	441,88	58,12	
18.2	Cải tạo, nạo vét hệ thống thoát nước các dãy nhà Ký túc xá Khu A	500,00	432,52	67,48	
18.3	Lắp đặt bổ sung camera giám sát an ninh	200,00	195,11	4,89	
18.4	Trang bị thiết bị cho 02 phòng sinh viên quốc tế	100,00	90,75	9,25	
18.5	Gia công giường sắt Ký túc xá	750,00	717,02	32,98	
18.6	Cải tạo, sửa chữa dãy B15A, B15B Ký túc xá Khu A	990,00	897,97	92,03	
18.7	Cải tạo sửa chữa các dãy B14, B19, B22 Ký túc xá Khu A	510,00		510,00	Không thực hiện
19	Văn phòng trường	1.400,00	93,79	1.306,21	
19.1	Cải tạo, chống thấm cục bộ Nhà Điều hành, nhà khách số 1	300,00		300,00	Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025
19.2	Lắp đặt máy lạnh cho Hội trường 3 Nhà Điều hành	400,00	93,79	306,21	
19.3	Dụng cụ nội thất cho Hội trường 3 Nhà Điều hành	300,00	-	300,00	Không thực hiện
19.4	Lắp đặt màn hình Led cho Hội trường 4 Nhà Điều hành	400,00		400,00	Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
20	Văn phòng Đảng ủy	75,00	72,14	2,86	
20.1	Mua sắm thiết bị văn phòng	75,00	72,14	2,86	
21	Phòng Tổ chức-Cán bộ	50,00	44,32	5,68	
21.1	Thiết bị tin học và ngoại vi	35,00	29,47	5,53	
21.2	Dụng cụ nội thất văn phòng	15,00	14,85	0,15	
22	Phòng Công tác chính trị	1.376,27	670,97	710,55	
22.1	Cải tạo chống thấm mái, sảnh, sân nô, bậc cấp, trần, 02 khu nhà vệ sinh	300,00	267,08	32,92	
22.2	Thiết bị tin học và ngoại vi	20,00	18,99	1,01	
22.3	Lắp camera quan sát cho Hội trường Rùa	90,00	-	90,00	Không sử dụng do thanh từ nguồn khác
22.4	Bổ sung thay thế thiết bị âm thanh, ánh sáng cho Hội trường Rùa	140,00	139,65	0,35	
22.5	Bảo trì các hệ thống báo cháy, thiết bị PCCC các đơn vị	500,00	245,25	260,00	Giá trị đang thực hiện 260 triệu đồng sẽ chuyển sang năm 2025
22.6	Lắp đặt đường dây điện cấp nguồn 3 pha trực chính cho hệ thống điều hòa không khí Hội trường Rùa	326,27		326,27	Bổ sung theo Nghị quyết số 212/NQ-HĐT. Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
23	Khu vực công cộng - P.QTTB	9.100,00	4.670,36	4.429,64	
23.1	Cải tạo hệ thống thoát nước, hạ tầng kỹ thuật Khu II - ĐHCT	1.000,00	339,09	660,91	
23.2	Cải tạo cảnh quan khu vực công cộng, sân chơi, công viên, hệ thống giao thông nội bộ ĐHCT	1.000,00	307,21	692,79	
23.3	Vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, trồng cây xanh ngày môi trường thế giới	800,00	595,37	204,63	
23.4	Bảo trì, sửa chữa, thay thế, lắp đặt bổ sung camera giám sát an ninh các Khu của Trường	800,00	329,51	470,49	
23.5	Điều chỉnh quy hoạch khu II	1.000,00		1.000,00	Đang thực hiện, chuyển sang KH 2025
23.6	Thiết bị âm thanh thay thế cho các Nhà học	200,00	50,00	150,00	
23.7	Máy chiếu bổ sung, thay thế cho các Nhà học	400,00	398,50	1,50	
23.8	Tivi bổ sung, thay thế các Nhà học	150,00	101,30	48,70	
23.9	Mua sắm, sửa chữa bàn, ghế sinh viên cho các nhà học	200,00	49,50	150,50	
23.10	Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (Bao gồm các công trình thuộc Dự án ODA)	850,00	776,82	73,18	

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
23.11	Dự phòng sửa chữa các công trình vật kiến trúc, điện, nước khu vực công công, các nhà học dùng chung; Mua sắm, sửa chữa thiết bị,	2.700,00	1.715,61	984,39	
24	Trung tâm Liên kết đào tạo	951,48	316,80	634,68	Bổ sung theo Nghị quyết số 212/NQ-HĐT
24.1	Mua sắm máy tính cho hệ thống phòng giảng dạy trực tuyến phục vụ đào tạo từ xa của Trung tâm Liên kết đào tạo năm 2024	491,92	316,80	175,12	
24.2	Thiết bị Tin học chuyên dùng cho phòng Đa phương tiện của Trung tâm Liên kết đào tạo	459,56		459,56	Chuyển sang năm 2025
III	KHU HÒA AN	2.235,00	2.003,06	231,94	
1	Khoa Phát triển nông thôn	950,00	912,17	37,83	
1.1	Thiết bị nghe nhìn	100,00	99,66	0,34	
1.2	Bổ sung dụng cụ nội thất văn phòng	100,00	99,20	0,80	
1.3	Cải tạo chống thấm mái, sê nô, hệ thống điện, cấp thoát nước, ram dốc, lưới chắn côn trùng Ký túc xá Hậu Giang khu Hòa An; thay mới một số đèn chiếu sáng công cộng Khoa Phát triển Nông thôn	750,00	713,31	36,69	
2	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng & AN	1.285,00	1.090,89	194,11	
2.1	Thiết bị tin học và ngoại vi	85,00	-	85,00	Đơn vị không sử dụng
2.2	Thiết bị điện - điện tử	200,00	148,82	51,18	

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
2.3	Chống thấm, sơn tường ngoài Hội trường đa năng, dãy nhà ở cán bộ, khu vệ sinh các dãy KTX A, B, D, sửa chữa gạch bong vộp nhà ăn, bảo trì thang máy, nạo vét cống, hồ ga Trung tâm Giáo dục Quốc Phòng	1.000,00	942,07	57,93	
IV	KHU LÒ GẠCH BÌNH BINH	177,00	165,39	11,61	
1	Cải tạo trại nuôi cá Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng thủy sản công nghệ cao, Trường Thủy sản	177,00	165,39	11,61	
V	TRẠI THỰC NGHIỆM THỦY SẢN VĨNH CHÂU	1.000,00	0,00	1.000,00	
1	Xây tường rào phía trước và phần còn lại khu đất Vĩnh Châu - Đại học Cần Thơ	1.000,00		1.000,00	Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025
VI	KHU MĂNG ĐEN - KON TUM	300,00	159,53	140,47	
1	Cải tạo, sửa chữa nhỏ, cảnh quan, môi trường, hệ thống cấp nước	300,00	159,53	140,47	
VII	CHUẨN BỊ CHO PHÂN HIỆU SÓC TRĂNG	3.115,00	2.446,12	668,89	Bổ sung theo Nghị quyết số 195/NQ-HĐT và 212/NQ-HĐT
1	Đo vẽ công trình; mua sắm, cải tạo, sửa chữa nội thất; đầu nối hạ tầng,...	2.865,00	2.446,12	418,89	
2	Lắp đặt hệ thống mạng Lan và hệ thống camera quan sát khu A giai đoạn 1 chuẩn bị hoạt động Phân hiệu tại tỉnh Sóc Trăng	250,00	-	250,00	Đang thực hiện, chuyển kinh phí sang 2025

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí phân giao (dự toán) năm 2024	Kinh phí thực hiện	Phần kinh phí tiết kiệm được (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
VIII	XÂY DỰNG CƠ BẢN	28.500,00	-	28.500,00	
1	Cải tạo Nhà 4T2 Khu I	8.500,00		8.500,00	Chưa thực hiện, chuyển sang năm 2025
2	Xây dựng công trình Nhà học THPT Trường Thực hành sư phạm	8.000,00		8.000,00	Chưa thực hiện, chuyển sang năm 2025
3	Bảo trì và cải tạo mặt ngoài Nhà Điều hành	7.000,00		7,000,00	Chưa thực hiện, chuyển sang năm 2025
4	Xây dựng công trình Khu liên hợp thể dục thể thao - Văn phòng Đoàn Thanh niên - Khu dịch vụ (Khu Phục vụ sinh viên)	5.000,00		5.000,00	Chưa thực hiện
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII) =		74.719,15	27.524,27	47.200,13	

Phụ lục 4

**DANH SÁCH CÁC HẠNG MỤC ĐÃ THỰC HIỆN ĐỐI VỚI CÁC MỤC CÓ NHIỀU NỘI DUNG
ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG TRƯỜNG PHÊ DUYỆT (CỦA PHỤ LỤC 3)**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT theo PL3	Nội dung thanh toán	Kinh phí đã sử dụng	Ghi chú
II	KHU II		
23	Khu vực công cộng - P.QTTB		
23.1	<i>Cải tạo hệ thống thoát nước, hạ tầng kỹ thuật Khu II - ĐHCT</i>	339,094	
23.1.1	Kiểm tra, khắc phục sự cố điện cấp nguồn, đèn chiếu sáng tại các đơn vị Khu I, Khu II và thay thế đèn chiếu sáng công cộng tại Khu II-ĐHCT	39,925	
23.1.2	Nạo vét, vệ sinh cống, hồ ga khu vực cống A, Trung tâm Học liệu, mặt bên nhà học C1 đến trước bãi xe VP Đoàn, tuyến dọc cạnh Hội trường Rùa, trước Khoa Luật và Trung tâm Ngoại ngữ, Khu II - Đại học Cần Thơ	280,000	
23.1.3	Cải tạo, lắp đặt van một chiều chống ngập phía sau dãy Nhà học B1, Khu II - Đại học Cần Thơ	19,169	
23.2	<i>Cải tạo cảnh quan khu vực công cộng, sân chơi, công viên, hệ thống giao thông nội bộ ĐHCT</i>	307,211	
23.2.1	Gia công, lắp đặt bàn ghế gỗ tự nhiên (đợt 1 năm 2024) - Trường ĐHCT	81,000	
23.2.2	Sửa chữa ghế công viên khu vực sau TTHL và trước khoa Dự bị Dân tộc	31,707	
23.2.3	Sơn, sửa, in mới bảng sơ đồ chỉ đường Khu II và bảng tên các cây mai	31,014	
23.2.4	Sơn kẻ vạch giảm tốc các tuyến đường nội bộ Khu II - ĐHCT	95,016	
23.2.5	Dặm vá các vị trí ổ gà và lắp gương cầu giao thông trên các tuyến đường nội bộ Khu II	68,474	
23.3	<i>Chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường, trồng cây xanh ngày môi trường thế giới</i>	595,37	
23.3.1	Chăm sóc, bảo dưỡng 168 cây mai trong khuôn viên Khu II - Đại học Cần Thơ để nở hoa vào dịp Tết Nguyên đán 2024	29,027	

TT theo PL3	Nội dung thanh toán	Kinh phí đã sử dụng	Ghi chú
23.3.2	Tổng vệ sinh, phát hoang cây và cỏ dại, mé nhánh cây xanh và dây leo trên dây điện và cột dây điện cáp trong khuôn viên Khu I - Đại học Cần Thơ chuẩn bị Tết Nguyên Đán 2024	15,012	
23.3.3	Tổng vệ sinh, phát hoang cỏ dại, cắt tỉa tạo hình cây kiểng, mé nhánh cây, vận chuyển rác đến nơi đổ tập trung trong khuôn viên Khu II, chuẩn bị đón Tết năm 2024 Trường Đại học Cần Thơ	36,249	
23.3.4	Phát hoang cỏ dại, cắt tỉa nhánh cây xanh, dây leo, diệt cỏ khu vực hồ cảnh quan, dọc theo hàng rào đường Hồ Bún Xáng, phía sau ký túc xá Khu B, Viện Nghiên Cứu Phát Triển Đồng Bằng, trường Thủy sản, vận chuyển đến nơi đổ tập trung trong khuôn viên Khu II để xử lý	47,746	
23.3.5	Tổng vệ sinh, phát hoang cỏ dại, mé nhánh cây, vận chuyển rác đến nơi đổ tập trung trong khuôn viên Khu II, chuẩn bị Ngày hội Tư vấn tuyển sinh - Hướng nghiệp 2024	45,224	
23.3.6	Cung cấp cây xanh để thực hiện trồng cây nhân ngày Môi trường Thế giới	80,060	
23.3.7	Tổng vệ sinh, cắt cỏ, mé dây leo chuẩn bị cho đợt đánh giá ngoài chương trình đào tạo lần thứ 424 theo Tiêu chuẩn AUN - QA	12,890	
23.3.8	Tổng vệ sinh, phát hoang cỏ dại, cắt tỉa tạo hình cây kiểng, mé dây leo, vận chuyển rác đến nơi đổ tập trung trong khuôn viên khu II, chuẩn bị ngày hội khởi nghiệp quốc gia của Học sinh Sinh viên lần thứ VI	33,143	
23.3.9	Xử lý phun thuốc trừ mối, một xung quanh khu vực hành lang và các phòng lưu trữ hồ sơ dãy nhà D1, khu KTXA	4,860	
23.3.10	Tưới nước cây xanh, thăm cỏ, cây kiểng, đường viền ắc ó khuôn viên Khu II - ĐHCT theo bảng báo giá ngày 05/02/2024 và Biên bản nghiệm thu ngày 24/06/2024	47,931	
23.3.11	Tổng vệ sinh, phát hoang nhỏ cỏ dại, mé dây leo, nhánh cây, chống đỡ cây đổ ngã, vận chuyển rác đến nơi tập trung trong khuôn viên Khu II - ĐHCT	8,333	
23.3.12	Cắt hạ cây cỏ thụ ngã đổ và có nguy cơ ngã đổ cạnh mái nhà, gần đường dây điện trung thế trong khuôn viên Khu II - ĐHCT	18,900	
23.3.13	Dọn vệ sinh, cắt cỏ các khu vực tại Khu II nhằm phục vụ tân sinh viên nhập học 09/2024	35,881	

TT theo PL3	Nội dung thanh toán	Kinh phí đã sử dụng	Ghi chú
23.3.14	Vệ sinh, cắt cỏ, mé nhánh cây tại các khu vực vườn bàng, khoa học XH&NV, nhà học A3, chuẩn bị cho đợt đánh giá ngoài AUN lần thứ 424	16,818	
23.3.15	Cắt và tỉa cây bị đổ ngã sau bão ngày 04/9/2024 tại Khu II	1,728	
23.3.16	Tổng mé nhánh cây các tuyến đường đi, mái nhà, đường dây điện trước mùa mưa bão để hạn chế nguy cơ cây đổ ngã trong khuôn viên Khu II và Khu I - Trường Đại học Cần Thơ	86,568	
23.3.17	Tổng vệ sinh, phát hoang cỏ dại các khu vực từ Nhà học B1 tới hàng rào hồ Búng Xáng và vận chuyển rác đến nơi đổ tập trung trong khuôn viên Khu II, chuẩn bị đón Tết Nguyên Đán năm 2025	25,000	
23.3.18	Sơn bó vỉa hè, quét vôi gốc cây Khu I, Khu II chuẩn bị đón Tết Nguyên Đán năm 2025	50,000	
23.4	Bảo trì, sửa chữa, thay thế, lắp đặt bổ sung camera giám sát an ninh các Khu của Trường	329,511	
23.4.1	Cung cấp và bổ sung thiết bị camera giám sát an ninh tại Khu II - ĐHCT năm 2024	265,511	
23.4.2	Lắp đặt thay thế camera hư trong khuôn viên Khu II - ĐHCT	64,000	
23.11	Dự phòng sửa chữa các công trình, vật kiến trúc, điện, nước, các nhà học dùng chung, mua sắm, sửa chữa thiết bị	1.723,06	
23.11.1	Trang bị ghế cho hội trường Trường Thủy sản	263,52	Theo NQ số 175/NQ-HĐT
23.11.2	Cải tạo, mở rộng và nâng cấp Hội trường 1 Trường Thủy sản	263,20	Theo NQ số 175/NQ-HĐT
23.11.3	Lắp đặt bổ sung Camera quan sát cho các phòng thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT)	483,29	Theo NQ số 176/NQ-HĐT
23.11.4	Lắp đặt vách ngăn cho các phòng thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT)	156,85	Theo NQ số 176/NQ-HĐT
23.11.5	Mua ổ cứng lưu trữ dữ liệu thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT)	10,64	Theo NQ số 176/NQ-HĐT

TT theo PL3	Nội dung thanh toán	Kinh phí đã sử dụng	Ghi chú
23.11.6	Chi phí thẩm định giá lắp Camera cho các phòng thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT)	8,11	Theo NQ số 176/NQ-HĐT
23.11.7	Chi phí thẩm định giá vách ngăn cho các phòng thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT)	3,24	Theo NQ số 176/NQ-HĐT
23.11.8	Thanh toán chi phí mua thùng đựng vách ngăn cho các phòng thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT)	6,66	Theo NQ số 176/NQ-HĐT
23.11.9	Chi phí thẩm định giá Thiết bị lưu trữ cho Server Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng	11,79	
23.11.10	Chi phí thẩm định giá bản quyền các tính năng bảo mật của tường lửa Đề án ngoại ngữ 2020	10,21	
23.11.11	Chi phí thẩm định giá thiết bị Wifi cho Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng	6,61	
23.11.12	Chi phí thẩm định giá thiết bị Camera giám sát an ninh cho Ký túc xá	3,24	
23.11.13	Chi phí thẩm định giá thiết bị nâng cao năng lực đào tạo về kỹ thuật đo lường cơ khí cho Khoa Kỹ thuật Cơ khí, Trường Bách khoa	6,26	
23.11.14	Chi phí thẩm định giá giường sắt cho Ký túc xá Phòng Công tác Sinh viên	10,50	
23.11.15	Chi phí thẩm định giá Máy chiếu cho các Nhà học	6,40	
23.11.16	Chi phí thẩm định giá tủ đựng hóa chất và tủ hút khí độc Khoa Môi trường	12,58	
23.11.17	Chi phí thẩm định giá ghế hội trường cho Trường Thủy sản	5,76	
23.11.18	Mua thiết bị tin học và ngoại vi thay thế cho Văn phòng Ban Giám hiệu	12,33	
23.11.19	Mua thiết âm thanh và sửa chữa thiết bị điện cho các đơn vị	21,26	
23.11.20	Chi phí thẩm định giá Bàn ghế cho Khoa Ngoại ngữ	3,24	
23.11.21	Chi phí thẩm định giá Thiết bị âm thanh cho Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3,24	
23.11.22	Chi phí thẩm định giá Thiết bị thí nghiệm cho Khoa Khoa học Tự nhiên	15,80	
23.11.23	Chi phí thẩm định giá các trang thiết bị	40,00	
23.11.24	Sơn sửa và lắp đặt giường sắt (40 bộ) và tủ sắt (10 bộ) cho KTX	62,92	

TT theo PL3	Nội dung thanh toán	Kinh phí đã sử dụng	Ghi chú
23.11.25	Chống thấm mái Nhà học C1 và sửa chữa gạch dán tường phòng giảng viên Nhà học B1	47,39	
23.11.26	Sửa chữa nền phòng sụp lún Nhà thi đấu Khoa Giáo dục thể chất Trường Đại học Cần Thơ	49,96	
23.11.27	Cải tạo sân nền Công C - Trường Đại học Cần Thơ	27,78	
23.11.28	Lắp đặt cửa vách nhôm kính phòng Tổ chức cán bộ, vách kính kho phòng Quản trị thiết bị, cửa đi kho Trung tâm liên kết đào tạo	48,91	
23.11.29	Xử lý chống thấm mái, vách mica phòng 309 Trường Bách khoa; Tháo dỡ lắp đặt trần phòng ngủ Nhà khách số 1; Tháo dỡ và lắp đặt trần hàng lang, trần phòng học dãy nhà học A3; cải tạo mái tole hành lang dãy B8- Ký túc xá A	49,69	
23.11.30	Sửa chữa, thay thế một số đồng hồ nước tổng các dãy ký túc xá khu B	33,004	
23.11.31	Di dời trụ cứu hỏa trước cổng B	31,244	
23.11.32	Chi phí nhiên liệu cho máy phát Tòa nhà ATL	7,452	
VII	CHUẨN BỊ CHO PHÂN HIỆU SÓC TRẮNG		
1	Đo vẽ công trình; mua sắm, cải tạo, sửa chữa nội thất; đấu nối hạ tầng,...	2.446,12	
1.1	Gia công mới bàn, ghế khung sắt mặt gỗ các loại	279,60	
1.2	Gia công sửa chữa, sơn bàn, ghế khung sắt mặt gỗ, bàn, ghế gỗ các loại	336,65	
1.3	Sửa chữa, bảo trì và chi phí vật tư, phụ kiện, nhân công lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ (23 bộ)	146,00	
1.4	Gia công mới bàn làm việc, bàn để máy vi tính, tủ, ghế văn phòng các loại	261,20	
1.5	Mua sắm Tivi, máy chiếu, thiết bị âm thanh, thiết bị sao chụp, điện máy, bảng viết, dụng cụ PCCC, ...	323,85	
1.6	Thiết bị tin học và ngoại vi	197,00	
1.7	Dụng cụ nội thất, dụng cụ vệ sinh, màn rèm, văn phòng phẩm	192,00	
1.8	Thi công cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu A giai đoạn 1	180,00	
1.9	Chi phí lấy rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thuê bảo vệ, cước phí internet, điện, nước, ...	145,00	

TT theo PL3	Nội dung thanh toán	Kinh phí đã sử dụng	Ghi chú
1.10	Chi phí dự phòng phát sinh đột xuất sửa chữa, cải tạo công trình và mua sắm thiết bị, dụng cụ phụ trợ, ...	200,00	
1.11	Đo vẽ hiện trạng 2 khu đất	35,00	
1.12	Bảng tên phân hiệu (khu A)	62,934	
1.13	Hệ thống điện cấp nguồn 3 pha (khu A)	86,881	

Phụ lục 5

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ CẢI TẠO, SỬA CHỮA CÁC ĐIỂM DỊCH VỤ

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	CÁC CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ	Kinh phí dự toán	Đã hoàn thành	Phần kinh phí tiết kiệm	Ghi chú
1	Cải tạo, sửa chữa nhà xe trường Thủy sản		39,528		
2	Mở rộng bãi giữ xe 2 bánh Tòa nhà phức hợp phòng thí nghiệm		47,775		
3	Sân bê tông căn tin khởi nghiệp sáng tạo		79,391		
4	Nạo vét hố ga, thông đường cống, đấu nối thêm đoạn cống thoát nước khu vực căn tin KTX Khu A và Khu B - ĐHCT		41,280		
	Tổng cộng	1.000,00	207,97	792,03	

Phụ lục 6
BÁO CÁO THỰC HIỆN CÁC HẠNG MỤC TỪ NGUỒN KINH PHÍ ĐƠN VỊ KHÁC
(Không từ nguồn giao Phòng Quản trị - thiết bị tham mưu)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí dự toán	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
I	Trường THPT Thực hành sư phạm	600,00	0,00	600,00	
1	Nhà tiền chế làm không gian sinh hoạt, học thuật (300m2)	600,00		600,00	Không thực hiện
II	Trung tâm Công nghệ phần mềm	1.934,00	780,00	60,25	
1	Thiết bị tin học và ngoại vi				
1.1	Mua sắm máy tính phục vụ công tác đào tạo của Trung tâm	840,25	780	60,25	
1.2	Thiết bị tin học và ngoại vi (phần còn lại)	1,093,75			Đơn vị tự thực hiện
III	Trung tâm Ngoại ngữ	2.800,00	1.076,59	1.723,41	Bổ sung theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐT ngày 11/10/2024
1	Cải tạo phòng học 401 (tầng 4, dãy nhà A2) thành phòng thi trên máy tính và phòng chức năng phục vụ khảo thí online Trung tâm Ngoại ngữ Khu III	450,00	427,90	22,10	
2	Cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh tầng trệt dãy nhà B1 Trung tâm Ngoại ngữ Khu III	285,00	268,88	16,13	
3	Cải tạo phòng học 402-404 (tầng 4, dãy nhà A2) thành Phòng học tương tác thông minh Trung tâm Ngoại ngữ Khu III	400,00	379,82	20,18	

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	Tổng kinh phí dự toán	Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm (hoặc chưa sử dụng 2024)	Ghi chú
4	Mua sắm trang thiết bị (máy tính, camera giám sát, bàn, ghế, thiết bị nghe nhìn... cho phòng 401)	950,00		950,00	Chưa thực hiện, chuyển sang 2025
5	Mua sắm trang thiết bị (24 bộ máy tính bảng, bàn, ghế và thiết bị nghe nhìn cho các phòng 402, 403 và 404)	550,00		550,00	Chưa thực hiện, chuyển sang 2025
6	Máy tính xách tay phục vụ giảng dạy (03 cái)	60,00		60,00	Chưa thực hiện, chuyển sang 2025
7	Máy tính văn phòng (02 bộ)	30,00		30,00	Chưa thực hiện, chuyển sang 2025
8	Thiết kế, biên soạn, tổ chức chương trình tập huấn; Trang bị gói tài khoản Elsa pro trọn đời (cho 63 giảng viên)	75,00		75,00	Chưa thực hiện, chuyển sang 2025
IV	Trung tâm Điện tử - Tin học	1.103,55	0,00	1.103,55	Bổ sung theo Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 11/10/2024
1.1	Đầu tư 01 phòng thực hành máy tính với sức chứa 40 học viên, 01 giảng viên và thiết bị phụ trợ phục vụ giảng dạy chứng chỉ ứng dụng CNTT tại Phân hiệu Trường Đại học Cần Thơ tại tỉnh Sóc Trăng	1.103,55		1.103,55	Chưa thực hiện, chuyển sang năm 2025
Tổng cộng		6.437,55	1.856,59	3.487,21	